

Số: /BC-ĐGS

Điện Biên, ngày tháng 7 năm 2023

BÁO CÁO

Kết quả giám sát "Việc thực hiện Nghị quyết số 05/2018/NQ-HĐND ngày 07/12/2018 của HĐND tỉnh Điện Biên ban hành Chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất nông lâm nghiệp thực hiện cơ cấu lại ngành nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Điện Biên từ năm 2019-2023"

Thực hiện Nghị quyết số 96/NQ-HĐND ngày 08/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về Chương trình giám sát của Hội đồng nhân dân tỉnh năm 2023; Nghị quyết số 124/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về thành lập Đoàn giám sát chuyên đề của Hội đồng nhân dân tỉnh "Việc thực hiện Nghị quyết số 05/2018/NQ-HĐND ngày 07/12/2018 của HĐND tỉnh Điện Biên ban hành Chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất nông lâm nghiệp thực hiện cơ cấu lại ngành nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Điện Biên từ năm 2019-2023", Đoàn giám sát của HĐND tỉnh đã tổ chức giám sát trực tiếp tại các huyện Điện Biên, Điện Biên Đông, Mường Chà, Nậm Pồ, Mường Nhé, Mường Ảng, Tuần Giáo; làm việc với Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn; giám sát qua Báo cáo đối với huyện Tủa Chùa, thị xã Mường Lay, Thành phố Điện Biên Phủ và 05 sở, ngành tỉnh¹. Đoàn giám sát báo cáo kết quả như sau:

I. TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI THỰC HIỆN

1. Về công tác lãnh đạo, chỉ đạo, triển khai thực hiện

Trên cơ sở Nghị quyết số 05/2018/NQ-HĐND ngày 07/12/2018 của HĐND tỉnh, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 45/2018/QĐ-UBND ngày 24/12/2018 về ban hành chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất nông lâm nghiệp thực hiện cơ cấu lại ngành nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Điện Biên; ban hành 06 quyết định, 04 văn bản hướng dẫn liên ngành để lãnh đạo, chỉ đạo, hướng dẫn các địa phương triển khai thực hiện; UBND các huyện, thị xã, thành phố cũng đã ban hành gần 170 văn bản về xây dựng và phê duyệt kế hoạch, phương án sản xuất phù hợp với các nội dung chính sách thu hút được một số doanh nghiệp, hợp tác xã, người dân tham gia liên kết, phát triển sản xuất nông nghiệp theo định hướng cơ cấu lại ngành nông nghiệp của địa phương (Có biểu số 01 kèm theo Báo cáo).

2. Công tác tuyên truyền tại các địa phương, cơ quan, đơn vị

Các cơ quan, đơn vị, địa phương trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ được phân công đã tiến hành tuyên truyền, phổ biến chủ trương, chính sách hỗ trợ của tỉnh trong phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp, thực hiện cơ cấu lại ngành nông

¹ Các sở: Tài chính, Công thương, Kế hoạch và Đầu tư, Tài nguyên và Môi trường, Khoa học và Công nghệ

nghiệp trên địa bàn tỉnh với nhiều hình thức, cách thức đa dạng, như: ban hành Kế hoạch tuyên truyền, cung cấp tài liệu, phổ biến chính sách tại các buổi họp cơ quan, sinh hoạt tổ dân phố, thôn, bản; tuyên truyền trên hệ thống loa phát thanh cơ sở... Việc tuyên truyền đã giúp nâng cao nhận thức, đề cao trách nhiệm phối hợp giữa công chức, viên chức các sở, ngành tỉnh, phòng ban chuyên môn cấp huyện, xã cũng như tạo sự đồng thuận trong Nhân dân, tổ chức, doanh nghiệp khi tham gia thực hiện và thụ hưởng các chính sách hỗ trợ, giúp đưa chính sách đi vào cuộc sống, phát huy hiệu quả của chính sách.

Tuy nhiên, qua giám sát cho thấy, công tác tuyên truyền, triển khai thực hiện Nghị quyết còn hạn chế; một số chính quyền xã, cán bộ thôn, bản, chủ doanh nghiệp, hợp tác xã và người dân chưa nắm chắc hoặc chưa biết về các chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất nông lâm nghiệp thực hiện cơ cấu lại ngành nông nghiệp trên địa bàn tỉnh.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN

1. Kết quả thực hiện kinh phí qua các năm

Tổng kinh phí thực hiện (từ năm 2019-2022) là 93.331,82 triệu đồng/124.440 triệu đồng phân bổ, đạt 75%, trong đó:

- Nguồn vốn hỗ trợ sản xuất nông nghiệp là 84.820,28 triệu đồng/119.300 triệu đồng phân bổ, đạt 71,09%.

- Nguồn dự án hỗ trợ phát triển cây hoa Anh Đào là 2.752,38 triệu đồng/5.140 triệu đồng phân bổ, đạt 53,54%.

- Kinh phí cấp huyện bố trí thực hiện hỗ trợ công tiêm phòng, phun phòng và thực hiện tháng tiêu độc khử trùng: 5.759,16 triệu đồng.

(Chi tiết biểu số 02, 03 kèm theo)

2. Kết quả thực hiện các chính sách hỗ trợ

2.1. Hỗ trợ phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp

Trong giai đoạn 2019-2022, có 09/10 huyện, thị xã, thành phố (trừ huyện Điện Biên Đông) thực hiện hỗ trợ 79 dự án liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông sản; trong đó có 47 dự án liên kết thuộc lĩnh vực trồng trọt, 32 dự án liên kết thuộc lĩnh vực chăn nuôi - thủy sản. Kinh phí hỗ trợ là 53.536,72 triệu đồng, chiếm 43% tổng kinh phí giao. Cụ thể:

- Hỗ trợ về giống và vật tư thiết yếu: 79 dự án với diện tích trên 1.100 ha cây ăn quả, dược liệu, rau và trên 64.000 con giống gia súc, gia cầm các loại, kinh phí là 50.578,28 triệu đồng tại địa bàn 09 huyện, thị xã, thành phố.

- Hỗ trợ chi phí mua bao bì, nhãn mác, kiểm định chất lượng sản phẩm, khai thác chỉ dẫn địa lý: 42 dự án, kinh phí là 824,16 triệu đồng tại thành phố Điện Biên Phủ; thị xã Mường Lay; các huyện: Nậm Pồ, Điện Biên, Tủa Chùa.

- Hỗ trợ kinh phí làm nhà xưởng, mua máy móc, trang thiết bị sơ chế, vận chuyển, bảo quản, chế biến sản phẩm: 05 dự án, kinh phí 1.649,95 triệu đồng tại

địa bàn huyện Điện Biên, Tủa Chùa.

- Hỗ trợ ứng dụng kỹ thuật công nghệ tưới tiết kiệm nước: 01 dự án, diện tích tưới 0,15 ha, kinh phí 4,33 triệu đồng tại huyện Điện Biên.

- Hỗ trợ sản xuất rau, củ, quả chất lượng cao, an toàn thực phẩm, ứng dụng công nghệ cao, bảo vệ môi trường: 01 dự án với diện tích 1,2 ha, kinh phí 480 triệu đồng tại huyện Tủa Chùa.

Việc triển khai thực hiện các dự án hỗ trợ phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ các sản phẩm nông nghiệp, giúp người sản xuất nông nghiệp tiếp cận với tiến bộ khoa học kỹ thuật, từng bước thay đổi tư duy trong sản xuất, tiêu thụ sản phẩm; sản xuất phải gắn với thị trường tiêu thụ, phải bảo đảm an toàn vệ sinh thực phẩm, bảo đảm sức khỏe người tiêu dùng. Vì vậy, nhiều người dân, chủ doanh nghiệp, HTX đã chủ động tham gia liên kết, hợp tác; đã làm chủ được kỹ thuật sản xuất, năng suất, chất lượng sản phẩm được nâng cao.

Tuy nhiên, nội dung hỗ trợ phát triển Hợp tác xã chưa khuyến khích được việc thành lập hợp tác xã; quy mô liên kết nhỏ, chưa tạo ra số lượng sản phẩm hàng hóa lớn; đa phần là sản phẩm thô chưa qua chế biến, nên giá trị kinh tế thấp. Vai trò, trách nhiệm của một số chủ doanh nghiệp, hợp tác xã liên kết chưa cao, còn hạn chế về năng lực kinh tế, kinh nghiệm, năng lực tổ chức sản xuất, nên ảnh hưởng đến tiến độ, kết quả thực hiện liên kết sản xuất.

Việc thực hiện các nội dung hỗ trợ liên kết mới chỉ tập trung thực hiện liên kết như cung ứng giống, vật tư đầu vào, một phần hỗ trợ bao bì, nhãn mác, khai thác chỉ dẫn địa lý, kinh phí làm nhà xưởng, mua máy móc, thiết bị sơ chế, vận chuyển...; chưa có nhiều dự án liên kết xúc tiến thương mại.

Mối liên kết giữa doanh nghiệp, nhà phân phối và nông dân trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm chưa được hình thành theo chuỗi để tiêu thụ sản phẩm, đặc biệt một số dự án trồng cây ăn quả, cây lấy hạt thời gian cho thu hoạch sản phẩm dài trong khi thời gian thực hiện phần liên kết ngắn, gây khó khăn cho việc tiêu thụ sản phẩm.

Một số nội dung hỗ trợ cho liên kết chưa thực hiện được như: Hỗ trợ công tác chỉ đạo, tuyên truyền, triển khai cho Ban quản lý cấp xã, Hợp tác xã nông nghiệp, hỗ trợ tiêu thụ, xúc tiến thương mại... Việc quy định đối tượng cây trồng, vật nuôi của các dự án liên kết phải gắn với sản phẩm lợi thế của địa phương đã phần nào hạn chế việc thực hiện các dự án liên kết trên các đối tượng cây trồng, vật nuôi mới, đã được đánh giá phù hợp, hiệu quả tại các địa phương khác. Mức hỗ trợ chi phí mua giống, vật tư thiết yếu thực hiện dự án liên kết thấp hơn so với mức hỗ trợ tại Nghị quyết số 27/2020/NQ-HĐND ngày 10/11/2020 của HĐND tỉnh về nội dung chi và mức hỗ trợ cho các hoạt động khuyến nông trên địa bàn tỉnh Điện Biên² đã tạo tâm lý so bì của người dân khi

² Nghị quyết số 05/2018/NQ-HĐND ngày 07/12/2018 của HĐND tỉnh (hỗ trợ 70% chi phí mua giống và 50% mua vật tư thiết yếu ở địa bàn còn lại). Trong khi Nghị quyết số 27/2020/NQ-HĐND ngày 10/11/2020 của HĐND tỉnh ban hành quy định về nội dung chi và mức hỗ trợ cho các hoạt động khuyến nông trên địa bàn tỉnh Điện Biên (hỗ trợ tối đa 70% chi phí về giống, thiết bị, vật tư thiết yếu ở địa bàn còn lại).

tham gia dự án.

Một số nội dung có mức hỗ trợ thấp hơn nhiều so với chi phí thực tế (hỗ trợ dồn điền, đổi thửa; hỗ trợ tưới tiết kiệm); hỗ trợ về bảo hộ sở hữu trí tuệ chỉ hỗ trợ về khai thác chỉ dẫn địa lý (trong khi chi phí thực hiện hoạt động này lớn, mất nhiều thời gian); chưa hỗ trợ các nội dung khác như nhãn hiệu chứng nhận, nhãn hiệu tập thể, nhãn hiệu thông thường... gây khó khăn cho các địa phương khi triển khai thực hiện, không thu hút được chủ trì liên kết mạnh dạn đầu tư, áp dụng công nghệ tiên tiến vào sản xuất.

2.2. Hỗ trợ phát triển chăn nuôi trâu, bò

Giai đoạn 2019-2022, trên địa bàn thành phố Điện Biên Phủ và huyện Điện Biên đã hỗ trợ cải tạo đàn bò địa phương bằng phương pháp thụ tinh nhân tạo cho 1.856 con bò cái sinh sản, kinh phí là 845,61 triệu đồng, chiếm 0,85% tổng kinh phí giao. Đây là hai địa phương có số lượng gia súc nuôi quy mô tập trung, ít thả rông. Việc hỗ trợ thụ tinh nhân tạo đã góp phần cải tạo đàn bò địa phương nâng cao thể trạng, giúp tăng giá trị cho gia súc, tăng thu nhập cho người chăn nuôi.

Tuy nhiên, việc hỗ trợ phát triển đàn trâu, bò chỉ thực hiện được nội dung hỗ trợ cải tạo đàn bò địa phương bằng phương pháp thụ tinh nhân tạo; còn 3/4 nội dung không thực hiện được đó là: hỗ trợ cải tạo đàn trâu, bò địa phương bằng phối giống trực tiếp; hỗ trợ thiến trâu, bò đực không đủ tiêu chuẩn làm con giống; hỗ trợ mở điểm thụ tinh nhân tạo và đào tạo kỹ thuật viên dẫn tinh. Do nguồn nhân lực và điều kiện cơ sở vật chất mở điểm thụ tinh nhân tạo tại các địa phương không bảo đảm, bên cạnh đó, người dân không hưởng ứng nên các nội dung này không được triển khai.

2.3. Hỗ trợ thú y

- Hỗ trợ vắc xin tiêm phòng bệnh cho gia súc, gia cầm với tổng kinh phí là 15.897 triệu đồng. Cụ thể:

+ Năm 2019-2021, đã hỗ trợ 1.887.801 liều vắc xin Nhiệt thán, Tụ huyết trùng trâu - bò, Lở mồm long móng, Dịch tả lợn, Tụ huyết trùng lợn cho huyện Điện Biên, Mường Chà, Tuần Giáo, thị xã Mường Lay và thành phố Điện Biên Phủ (các huyện còn lại sử dụng kinh phí mua vắc xin theo Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP ngày 27/12/2008 của Chính phủ), kinh phí là 9.097 triệu đồng; đạt 58,3% số lượng vắc xin đã đăng ký, tiêm phòng được 54,53% tổng đàn.

+ Năm 2022, hỗ trợ 1.755.750 liều vắc xin Nhiệt thán, Tụ huyết trùng trâu bò, Dịch tả lợn, Cúm gia cầm cho 10 huyện, thị xã, thành phố, kinh phí là 3.400 triệu đồng; đạt 99,6% so với số lượng vắc xin đã đăng ký; tiêm phòng được 56,4% tổng đàn.

+ Năm 2023, kinh phí hỗ trợ vắc xin tiêm phòng bệnh cho gia súc, gia cầm 3.400 triệu đồng.

Việc hỗ trợ vắc xin tiêm phòng bệnh cho gia súc, gia cầm giúp tạo miễn dịch quần thể cho đàn gia súc, gia cầm, góp phần giảm thiểu sự bùng phát dịch

bệnh động vật, hạn chế thiệt hại cho người chăn nuôi khi dịch bệnh xảy ra.

- Hỗ trợ tiền công, vật tư, bảo hộ, dụng cụ tiêm phòng, công phun hoá chất sát trùng: Giai đoạn 2019-2022, tại 10 huyện, thị xã, thành phố đã tổ chức triển khai hỗ trợ tiền công, vật tư, bảo hộ, dụng cụ tiêm phòng, công phun hoá chất sát trùng để triển khai tiêm phòng vắc xin với tổng kinh phí 12.294 triệu đồng. Trong đó huyện Điện Biên Đông và Mường Chà sử dụng nguồn hỗ trợ sản xuất nông nghiệp với kinh phí là 6.535,29 triệu đồng, 08 huyện, thị xã, thành phố sử dụng ngân sách huyện hỗ trợ với kinh phí là 5.758,71 triệu đồng.

- Hỗ trợ kinh phí cho chủ vật nuôi có gia súc, gia cầm chết do phản ứng sau tiêm phòng vắc xin: Huyện Điện Biên hỗ trợ 22,3 triệu đồng từ nguồn ngân sách huyện cho 01 con trâu bị chết do phản ứng sau tiêm phòng vắc xin Tụ huyết trùng.

- Hỗ trợ tập huấn kỹ thuật, kiến thức cho viên chức và nhân viên thú y cơ sở: Giai đoạn 2019-2022: Sở Nông Nghiệp và phát triển nông thôn và 04 huyện Mường Ảng, Mường Nhé, Tủa Chùa, Tuần Giáo đã thực hiện hỗ trợ tập huấn kỹ thuật, kiến thức được 22 lớp với 715 viên chức và nhân viên thú y cơ sở với kinh phí là 614,42 triệu đồng. (Trong đó, Sở Nông nghiệp và phát triển Nông thôn 10 lớp, 337 học viên; Mường Ảng 2 lớp, 75 học viên; Mường Nhé 01 lớp, 30 học viên; Tủa Chùa 07 lớp 203 học viên; Tuần Giáo 02 lớp, 70 học viên). Qua các lớp tập huấn đã giúp nâng cao kiến thức, kỹ thuật cho viên chức, nhân viên thú y cơ sở đặc biệt các biện pháp quản lý phòng, chống đối với dịch bệnh mới nguy hiểm như Dịch tả lợn Châu Phi, bệnh Viêm da nổi cục... góp phần kiểm soát dịch bệnh gia súc, gia cầm trên địa bàn tỉnh.

Qua giám sát cho thấy, hầu hết các huyện có khó khăn chung là chăn nuôi nông hộ với quy mô nhỏ lẻ, thả rông gia súc còn phổ biến dẫn đến khó tổ chức triển khai tiêm phòng và kiểm soát dịch bệnh. Bên cạnh đó, nguồn ngân sách địa phương hạn chế nên việc tổ chức mua vắc xin tiêm phòng cho đàn gia súc, gia cầm chưa đáp ứng được nhu cầu³. Tỷ lệ tiêm phòng vắc xin đạt thấp, bình quân đạt từ 55- 60% tổng đàn, chưa đạt mục tiêu Nghị quyết giao (trên 80% tổng đàn). Trình độ nhận thức của một bộ phận người dân về vai trò, tầm quan trọng của việc phun phòng, tiêm phòng vắc xin không đồng đều, còn tình trạng một số hộ chăn nuôi không khai báo đúng số gia súc, gia cầm để tiêm phòng do không muốn thoát nghèo. Việc mua vắc xin phải thực hiện theo quy trình của Luật Đấu thầu đã ảnh hưởng đến tiến độ, tính kịp thời của việc tiêm phòng vắc xin ở các địa phương.

2.4. Hỗ trợ sản xuất, phát triển lâm nghiệp

Từ năm 2019-2022, có 3/4 nội dung của chính sách hỗ trợ sản xuất, phát triển lâm nghiệp được các địa phương triển khai thực hiện với kinh phí hỗ trợ là 5.817,53 triệu đồng, cụ thể:

³ Hiện tại mới chỉ đáp ứng được 75% số lượng vắc xin các địa phương đăng ký, kinh phí đáp ứng được khoảng 34% nhu cầu.

- Hỗ trợ hộ gia đình, cá nhân chuyển đất nương, đất trống sang trồng rừng sản xuất và khoanh nuôi tái sinh rừng tự nhiên với diện tích 1.464,65 ha tại huyện Tủa Chùa, huyện Nậm Pồ; kinh phí thực hiện là 3.959,36 triệu đồng.

- Hỗ trợ giao đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để trồng rừng và khoanh nuôi xúc tiến tái sinh rừng tự nhiên tại huyện Tuần Giáo với diện tích cấp là 997,46 ha (11 giấy chứng nhận); kinh phí thực hiện là 313,5 triệu đồng.

- Hỗ trợ bảo vệ và phát triển cây hoa Ban tại huyện Tủa Chùa (14,66 ha), huyện Điện Biên (7,65 ha), tổng kinh phí thực hiện là 1.544,67 triệu đồng.

Việc hỗ trợ phát triển, sản xuất lâm nghiệp có 3/4 nội dung được thực hiện; tuy nhiên, số địa phương triển khai thực hiện không nhiều, cụ thể: hỗ trợ hộ gia đình, cá nhân chuyển đất nương, đất trống sang trồng rừng sản xuất và khoanh nuôi tái sinh rừng tự nhiên (huyện Tủa Chùa, Nậm Pồ); hỗ trợ giao đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để trồng rừng và khoanh nuôi xúc tiến tái sinh rừng tự nhiên (huyện Tuần Giáo); hỗ trợ bảo vệ và phát triển cây hoa Ban (huyện Tủa Chùa, Điện Biên). Nguyên nhân: do tiêu chí, định mức hưởng chính sách hỗ trợ cao, trong khi mức hỗ trợ thấp nên phần lớn các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân không đăng ký tham gia. Cụ thể: nội dung hỗ trợ trồng tập trung cây hoa Ban, diện tích tối thiểu để được hưởng chính sách là 03 ha, mức hỗ trợ 80 triệu đồng/ha/4 năm, trong khi không có chính sách hưởng lợi từ việc trồng hoa cây hoa Ban; nội dung hỗ trợ chi phí lập hồ sơ giao khoán lần đầu đối với trồng rừng sản xuất, khoanh nuôi xúc tiến tái sinh rừng tự nhiên không trồng bổ sung và bảo vệ rừng, mức hỗ trợ 50.000 đồng/ha, thấp so với chi phí thực tế nên các địa phương không triển khai thực hiện. Nội dung hỗ trợ chuyển đất nương, đất trống sang trồng rừng sản xuất và khoanh nuôi tái sinh rừng tự nhiên chưa gắn với liên kết sản xuất.

2.5. Hỗ trợ phát triển cây hoa Anh đào

Giai đoạn 2019 - 2022, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã tổ chức trồng tập trung được 26,9 ha/70 ha cây hoa Anh Đào theo Quyết định số 318/QĐ-UBND ngày 07/4/2020 của UBND tỉnh, đạt 38,4% mục tiêu giai đoạn 2020-2025 tại xã Pá Khoang, thành phố Điện Biên Phủ với kinh phí thực hiện là 2.752,38 triệu đồng. Tuy nhiên, do quy định cụ thể địa bàn hỗ trợ là xã Mường Phăng và Pá Khoang, định mức hỗ trợ thấp trong khi điều kiện để hưởng chính sách hỗ trợ tương đối cao nên chưa thu hút được các tổ chức, cá nhân mở rộng, phát triển trồng tập trung cây hoa Anh Đào.

2.6. Hỗ trợ phát triển thủy sản

Hỗ trợ phát triển nuôi các loài cá có giá trị kinh tế cao (cá Chép giòn, cá Trắm giòn, cá Lăng...) trong lồng tại các hồ thủy lợi, thủy điện: Thực hiện hỗ trợ cho 86 hộ với 296 lồng bè khung bằng kim loại để phát triển nuôi các loài cá có giá trị kinh tế cao tại khu vực lồng hồ thủy điện Sơn La địa phận các xã Tủa Thàng, Huổi Sớ, Sín Chải, huyện Tủa Chùa; hồ Ảng Cang, huyện Mường Ảng; hồ Loạng Luông, Thành phố Điện Biên Phủ; tổng kinh phí 4.227,16 triệu đồng. Các loài cá nuôi sinh trưởng, phát triển tốt, đầu ra ổn định. Việc phát triển nuôi

các loài cá có giá trị kinh tế cao tại các lòng hồ thủy lợi, thủy điện đã phát huy lợi thế, tiềm năng của địa phương, góp phần đa dạng hóa sinh kế, tăng thu nhập, cải thiện đời sống cho các hộ dân quanh khu vực lòng hồ.

Tuy nhiên, chính sách quy định cụ thể về địa điểm nuôi thủy sản đã gây khó khăn cho các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân khi muốn tham gia chính sách. Đối với nội dung “hỗ trợ phát triển nuôi cá Tầm/cá Hồi vân trong bể xây”, chi phí đầu tư lớn, trong khi kinh phí hỗ trợ từ chính sách thấp, giá thành các mặt hàng thủy sản giảm, thị trường tiêu thụ bị ảnh hưởng (đặc biệt trong giai đoạn bùng phát dịch Covid-19) nên người dân không hưởng ứng.

2.7. Hỗ trợ chuyển tiếp tại Nghị quyết số 322/2013/NQ-HĐND ngày 13/12/2013 của HĐND tỉnh

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, UBND huyện Tủa Chùa đã hỗ trợ 724,23 triệu đồng để tiếp tục thực hiện các nội dung chuyển tiếp đã được phê duyệt tại Nghị quyết số 322/2013/NQ-HĐND ngày 13/12/2013 của HĐND tỉnh về ban hành chính sách hỗ trợ sản xuất nông - lâm nghiệp và thủy sản trên địa bàn tỉnh Điện Biên, cụ thể:

- Hỗ trợ phát triển Chè cây cao (Chè tuyết Shan): hỗ trợ tiền mua lương thực trong 5 năm (2018-2022) khi người dân tham gia chăm sóc, bảo vệ diện tích cây chè; kinh phí thực hiện là 616,95 triệu đồng với tổng diện tích chuyển tiếp là 71,7 ha. Chính sách tiếp tục được thực hiện đã góp phần giúp các hộ dân ổn định cuộc sống trong thời gian cây chè chưa cho thu hái sản phẩm.

- Hỗ trợ cải tạo đàn bò, đàn trâu tại các khu vực không thực hiện thụ tinh nhân tạo (theo dõi bò đực và số bê lai sinh ra): Tổng số bê lai sinh ra trong 04 năm (2019-2022) là 514 con, đồng thời theo dõi, quản lý việc chăm sóc đàn bò đực (04 con). Tổng kinh phí thực hiện hỗ trợ là 107,28 triệu đồng.

(Chi tiết biểu số 04 kèm theo)

III. Đánh giá chung

1. Kết quả đạt được

UBND tỉnh đã kịp thời ban hành quyết định, văn bản chỉ đạo các cơ quan, đơn vị liên quan hướng dẫn các địa phương tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết của HĐND tỉnh. Hơn 04 năm triển khai thực hiện chính sách đã mang lại một số hiệu quả cụ thể, nhiều nội dung hỗ trợ phù hợp với điều kiện thổ nhưỡng, khí hậu, đất đai và đặc tính canh tác của từng địa phương, phát huy lợi thế, ưu điểm của cây trồng, vật nuôi. Thông qua chính sách, đã thu hút nhiều hộ gia đình, doanh nghiệp, hợp tác xã trong và ngoài tỉnh tham gia phát triển kinh tế nông nghiệp, nông thôn, giải quyết một số tồn tại trong sản xuất nông nghiệp của địa phương, nâng cao trình độ, phương thức sản xuất của người dân, doanh nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa tập trung gắn với thế mạnh, lợi thế của địa phương và nhu cầu thị trường. Nhiều hộ gia đình đã chú trọng ứng dụng tiến bộ kỹ thuật chuyên đổi cơ cấu cây trồng vật nuôi, góp phần nâng cao chất lượng sản phẩm tạo giá trị hàng hóa, tăng thu nhập và mức sống của người dân.

2. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

2.1. Tồn tại, hạn chế

- Về cơ chế chính sách: Hiệu quả chính sách chưa thực sự rõ ràng, chưa tương xứng với số kinh phí đã thực hiện. Chính sách hỗ trợ còn dàn trải, một số nội dung hỗ trợ có định mức thấp nên chưa nhận được sự hưởng ứng của người dân, doanh nghiệp, như: hỗ trợ đồn điền, đổi thửa; hỗ trợ nuôi cá Tầm, cá Hồi vân trong bể xây; hỗ trợ thêm để chuyển đổi đất nương sang trồng rừng sản xuất, khoanh nuôi tái sinh; hỗ trợ phát triển hoa Anh Đào; hỗ trợ mở điểm thụ tinh nhân tạo và đào tạo dẫn tinh viên;... Một số nội dung hỗ trợ chưa thật sự phù hợp với tình hình thực tế và định hướng cơ cấu lại ngành nông nghiệp giai đoạn 2021-2023 như hỗ trợ cải tạo đàn trâu, bò địa phương bằng phối giống trực tiếp; hỗ trợ thiên trâu, bò đực không đủ tiêu chuẩn làm con giống....Trong khi, một số nội dung các địa phương có nhu cầu thực hiện, phù hợp với thực tiễn và kế hoạch cơ cấu lại ngành nông nghiệp giai đoạn 2021-2023 chưa được quy định trong chính sách như: tái canh cây cà phê, cải tạo vườn tạp, hỗ trợ cây thức ăn cho gia súc,...

- Về phía UBND các cấp: Công tác chỉ đạo, điều hành, tổ chức triển khai thực hiện; công tác tuyên truyền, phổ biến chính sách đến với Nhân dân của một số chính quyền địa phương chưa tốt, nhất là cấp xã, thôn, bản; có nơi, người đứng đầu chính quyền cơ sở chưa nắm chắc các chính sách hỗ trợ, thiếu sự phối hợp, thống nhất, làm ảnh hưởng đến công tác triển khai tổ chức thực hiện. Huyện Điện Biên Đông chỉ tổ chức triển khai được một nội dung chính sách (Hỗ trợ thú y) song kinh phí hỗ trợ không sử dụng đúng nguồn theo quy định. Huyện Nậm Pồ chưa xây dựng kế hoạch hàng năm để triển khai thực hiện các chính sách hỗ trợ.

- Về phía Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn: Là cơ quan được giao chủ trì tham mưu, hướng dẫn triển khai chính sách, song công tác thanh tra, kiểm tra việc triển khai thực hiện chính sách hỗ trợ chưa được tiến hành thường xuyên, liên tục (trong 04 năm triển khai thực hiện chính sách, Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn chỉ tiến hành 02 cuộc kiểm tra việc thực hiện các hoạt động khuyến nông trên địa bàn huyện Tủa Chùa, Điện Biên, Tuần Giáo, thành phố Điện Biên Phủ và thị xã Mường Lay); Công tác phối hợp liên ngành để tham mưu, đề xuất nội dung hỗ trợ và hướng dẫn thực hiện chưa chặt chẽ; công tác tham mưu trình điều chỉnh, bổ sung các định mức kinh tế - kỹ thuật, cơ chế chính sách chưa kịp thời nên một số nội dung hướng dẫn chưa sát với tình hình thực tế cơ sở. Có 08/23 nội dung hỗ trợ chưa thực hiện được, cụ thể: Hỗ trợ công tác chỉ đạo, tuyên truyền, triển khai cho Ban quản lý cấp xã, HTX hoặc Ban nông nghiệp thôn, bản để đồn điền đổi thửa; hỗ trợ công tác đo đạc, chỉnh lý biến động hồ sơ địa chính; cấp đổi GCNQSDĐ diện tích đồn điền, đổi thửa; hỗ trợ tiêu thụ, xúc tiến thương mại; hỗ trợ cải tạo đàn trâu, bò địa phương bằng phối giống trực tiếp; hỗ trợ thiên trâu, bò đực không đủ tiêu chuẩn làm con giống; hỗ trợ mở điểm thụ tinh nhân tạo mới và đào tạo kỹ thuật viên dẫn tinh; hỗ trợ chi phí lập hồ sơ giao khoán lần đầu đối với trồng rừng sản xuất, khoanh

nuôi xúc tiến tái sinh rừng tự nhiên không trồng bổ sung và bảo vệ rừng; hỗ trợ phát triển nuôi cá Tầm/cá Hồi vân trong bể xây.

- Về phía đối tượng thụ hưởng chính sách: các doanh nghiệp nông nghiệp, hợp tác xã, người dân với quy mô hoạt động nhỏ, thiếu ổn định, năng lực tài chính, năng lực điều hành yếu, hoạt động sản xuất kinh doanh chủ yếu cung cấp dịch vụ như phân bón, giống, thuốc bảo vệ thực vật, thuốc thú y....; năng lực quản lý, tổ chức thực hiện dự án chưa đáp ứng yêu cầu, chưa tạo được uy tín để người dân yên tâm liên kết sản xuất. Việc tiêu thụ nông sản chậm, chủ yếu tiêu thụ tại chỗ, ảnh hưởng đến hiệu quả các dự án liên kết. Một bộ phận người dân, canh tác còn nhỏ lẻ, không thực sự muốn liên kết trong sản xuất.

2.2. Nguyên nhân của những tồn tại, hạn chế

- Thời tiết khí hậu, dịch bệnh trên cây trồng, vật nuôi diễn biến phức tạp; ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19 tác động tiêu cực đến hoạt động sản xuất nông nghiệp. Một số địa phương vùng sâu, vùng xa, địa bàn đi lại khó khăn, chi phí vận chuyển vật tư cao, trong khi giá nông sản thấp, thị trường tiêu thụ không ổn định.

- Một số chính sách hỗ trợ chưa phù hợp, chưa đáp ứng được mục tiêu chuyển đổi mô hình sản xuất, tái cơ cấu ngành nông nghiệp.

- Nguồn kinh phí phân bổ hàng năm còn hạn chế, chưa đáp ứng được nhu cầu thực tế, chưa đủ để thực hiện các dự án đầu tư quy mô lớn.

- Công tác chỉ đạo, điều hành của một số địa phương chưa tốt, chưa nắm chắc các chính sách hỗ trợ; thiếu sự phối hợp thường xuyên, liên tục giữa ngành và các địa phương.

- Hướng dẫn liên ngành có nội dung chưa rõ ràng, còn chung chung; công tác kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện các nội dung hỗ trợ chưa thường xuyên, thiếu kịp thời nên một số huyện dùng nguồn kinh phí hỗ trợ cho nội dung chính sách chưa đúng (Huyện Điện Biên Đông, huyện Mường Chà hỗ trợ tiền công, vật tư, bảo hộ, dụng cụ tiêm phòng, công phun hoá chất sát trùng từ nguồn kinh phí hỗ trợ sản xuất nông nghiệp trong khi Nghị quyết quy định, nội dung hỗ trợ này sử dụng ngân sách cấp huyện).

- Năng lực quản lý của một số Công ty, doanh nghiệp, hợp tác xã tham gia chủ trì thực hiện các dự án liên kết còn yếu, năng lực tài chính chưa đủ để đầu tư nhà xưởng, máy móc theo chuỗi liên kết. Một bộ phận người dân còn trông chờ ỷ lại vào sự hỗ trợ của Nhà nước; phương thức canh tác sản xuất chậm thay đổi, phát triển sản xuất hàng hóa không theo nhu cầu thị trường.

3. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị đối với những tồn tại, hạn chế trong thực hiện Nghị quyết của HĐND tỉnh.

Những tồn tại, hạn chế nêu trên có một phần trách nhiệm của UBND tỉnh trong lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện chính sách; trách nhiệm theo dõi, hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra, thanh tra, giám sát của cơ quan chủ trì sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; trách nhiệm phối hợp triển khai của các sở: Tài

chính, Công Thương, Khoa học và Công nghệ, Kế hoạch và Đầu tư, Tài nguyên và Môi trường; trách nhiệm tổ chức, triển khai, thực hiện của UBND các huyện, thị xã, thành phố.

IV. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

Đề nghị UBND tỉnh

1. Tổ chức tổng kết đánh giá 04 năm (2019 - 2022) việc thực hiện các chính sách hỗ trợ trên địa bàn tỉnh, nhằm đánh giá những nội dung chính sách hỗ trợ thiết thực hiệu quả, những nội dung chính sách hỗ trợ chưa sát thực tế; vai trò, trách nhiệm của các đối tượng thụ hưởng chính sách... để từ đó đề xuất xây dựng chính sách mới sát với nhu cầu thực tế, đáp ứng yêu cầu thực hiện cơ cấu lại ngành nông nghiệp trên địa bàn tỉnh.

2. Chỉ đạo kiểm tra, thanh tra việc thực hiện các mô hình, các dự án liên kết sản xuất trên địa bàn các huyện, thị xã, thành phố để kịp thời xem xét toàn diện việc triển khai thực hiện các mô hình, dự án liên kết sản xuất ở địa phương.

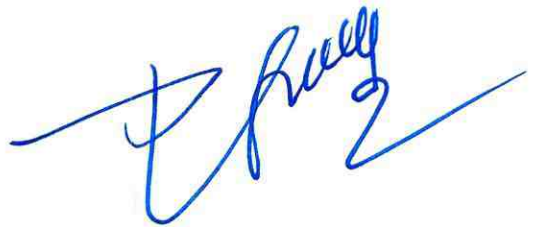
3. Sớm xây dựng chính sách mới phù hợp với tình hình sản xuất, canh tác hiện tại của từng địa phương và phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Đặc biệt các nội dung hỗ trợ không chồng chéo, trùng lặp và phải kết hợp với các chính sách khác đang được triển khai trên địa bàn để phát huy hiệu quả nguồn kinh phí.

Trên đây là báo cáo kết quả giám sát "Việc thực hiện Nghị quyết số 05/2018/NQ-HĐND ngày 07/12/2018 của HĐND tỉnh Điện Biên ban hành Chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp thực hiện cơ cấu lại ngành nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Điện Biên từ năm 2019-2023" của HĐND tỉnh./.

Nơi nhận:

- UBND Quốc hội;
- Chính phủ (b/c);
- Bộ NN và PTNT; Bộ Tài Chính;
- Thường trực Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ VN tỉnh,
- Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn;
- Thành viên đoàn giám sát;
- TTHU, HĐND, UBND các huyện, TX, TP;
- VP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- VP UBND tỉnh;
- Các tổ chức được giám sát trực tiếp;
- Phòng Công tác HĐND;
- Lưu: VT.

**TM. ĐOÀN GIÁM SÁT CỦA HĐND TỈNH
TRƯỞNG ĐOÀN**



**CHỦ TỊCH HĐND TỈNH
Lò Văn Phương**

Biểu 01: Thống kê các văn bản chỉ đạo, điều hành thực hiện chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Điện Biên từ năm 2019-2023

(Kèm theo Báo cáo số: 121/BC-ĐGS ngày 05/7/2023 của HĐND tỉnh Điện Biên)

STT	Đơn vị ban hành	Tên, ký hiệu văn bản	Nội dung trích yếu	Ghi chú
1	UBND tỉnh	Quyết định số 45/2018/QĐ-UBND ngày 24/12/2018	Ban hành chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất nông lâm nghiệp thực hiện cơ cấu lại ngành nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Điện Biên	
2	UBND tỉnh	Văn bản số 434/UBND-KTN ngày 18/02/2021	Về việc tăng cường tổ chức thực hiện và kiểm tra, đánh giá kết quả triển khai thực hiện các nội dung hỗ trợ phát triển sản xuất nông nghiệp theo Quyết định số 45/2018/QĐ-UBND ngày 24/12/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh	
3	Liên ngành Sở: Nông nghiệp và PTNT - Tài chính	Hướng dẫn số 380/HDLN-SNN-STC ngày 06/3/2019	Thực hiện một số nội dung chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất nông lâm nghiệp thực hiện cơ cấu lại ngành nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Điện Biên	
4	Liên ngành Sở Nông nghiệp và PTNT, Sở Tài chính	Hướng dẫn số 616/HDLN-SNN-STC ngày 06/4/2021	Về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung tại Hướng dẫn số 380/ HDLN-SNN-STC ngày 06/3/2019 của Liên ngành: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Tài chính về việc thực hiện một số nội dung chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất nông lâm nghiệp thực hiện cơ cấu lại ngành nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Điện Biên	
5	Liên ngành Sở NN và PTNT, Sở Tài chính, Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	Hướng dẫn số 1839/HDLN-SNN-STC-SLĐTBXH ngày 12/7/2019	Về sửa đổi, bổ sung định mức kinh tế - kỹ thuật thực hiện chính sách hỗ trợ sản xuất, đa dạng hoá sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo nguồn vốn sự nghiệp thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020 trên địa bàn tỉnh Điện Biên	
6	UBND tỉnh	Quyết định số 205/QĐ-UBND ngày 12/3/2019	Ban hành quy mô tối thiểu đối với dự án phát triển, hợp tác liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Điện Biên	
7	UBND tỉnh	Quyết định số 610/QĐ-UBND ngày 25/6/2019	Ban hành danh mục sản phẩm nông nghiệp chủ lực của tỉnh Điện Biên	
8	UBND tỉnh	Quyết định số 865/QĐ-UBND ngày 16/9/2019	Về việc điều chỉnh quy mô diện tích tối thiểu về cây Chè để thực hiện dự án phát triển, hợp tác liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm tại Quyết định số 205/QĐ-UBND ngày 12/3/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên	
9	UBND tỉnh	Quyết định số 252/QĐ-UBND ngày 05/3/2021	Định mức kinh tế - kỹ thuật áp dụng trong thực hiện các hoạt động khuyến nông trên địa bàn tỉnh Điện Biên	Hết hiệu lực, được thay thế Quyết định số 23/2022/QĐ-UBND ngày 19/7/2022
10	UBND tỉnh	Quyết định số 23/2022/QĐ-UBND ngày 19/7/2022	Quy định định mức kinh tế kỹ thuật áp dụng trong thực hiện các hoạt động khuyến nông trên địa bàn tỉnh Điện Biên	
11	UBND tỉnh	Quyết định số 35/QĐ-UBND ngày 10/01/2023	Bổ sung quy mô diện tích tối thiểu cây Mắc ca để thực hiện Dự án phát triển hợp tác, liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Điện Biên	

ĐVT: Triệu đồng

Stt	Nội dung	Kinh phí thực hiện giai đoạn 2019-2023						Nguồn kinh phí hỗ trợ
		Tổng cộng	2019	2020	2021	2022	2023	
	Tổng (I+II+III+IV+V+VI+VII)	93.331,82	22.782,19	20.159,53	19.904,45	30.485,65	-	
I	Chính sách 1: Hỗ trợ phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp	53.536,72	12.550,21	12.122,52	11.271,21	17.592,77	-	nguồn vốn hỗ trợ nông nghiệp
1.1	Hỗ trợ về giống, vật tư thiết yếu theo dự án được phê duyệt	50.578,28	10.621,53	11.493,48	11.051,28	17.411,99	0	nguồn vốn hỗ trợ nông nghiệp
-	H. Mường Ảng	8.624,81	2.552,88	1.992,05	1.889,63	2.190,26	0	
-	Thành phố Điện Biên Phủ	3.378,92	420,10	883,59	425,17	1.650,06	0	
-	H. Mường Nhé	4.178,03	1.320,71	1.082,44	873,48	901,41	0	
-	H. Tuần Giáo	11.795,00	1.645,80	1.978,00	1.989,00	6.182,20	0	
-	H. Tòa Chùa	9.168,97	1.836,13	2.766,00	2.772,48	1.794,37	0	
-	Thị xã Mường Lay	1.054,67	123,80	134,50	134,50	661,87	0	
-	H. Nậm Pồ	754,20	-	488,70	133,20	132,30	0	
-	H.Điện Biên	8.999,20	2.082,10	2.109,20	1.974,50	2.833,40	0	
-	H. Mường Chà	2.624,48	640,02	59,01	859,32	1.066,13	0	
1.2	Hỗ trợ về bao bì, nhãn mác, kiểm định chất lượng sản phẩm, khai thác chỉ dẫn địa lý	824,16	309,11	237,44	101,13	176,48	-	nguồn vốn hỗ trợ nông nghiệp
-	Thành phố Điện Biên Phủ	140,46	19,21	20,24	43,10	57,91	0	
-	Thị xã Mường Lay	80,03	10,90	15,50	15,50	38,13	0	
-	H. Nậm Pồ	100,00	-	100,00	-	-	0	
-	H. Điện Biên	456,20	279,00	101,70	14,60	60,90	0	
-	H. Tòa Chùa	47,47	-	-	27,93	19,54		
1.3	Hỗ trợ nhà xưởng, máy móc, trang thiết bị sơ chế vận chuyển, bảo quản, chế biến sản phẩm	1.649,98	1.139,58	391,60	118,80	-	0	nguồn vốn hỗ trợ nông nghiệp
-	H. Điện Biên	1.441,70	931,30	391,60	118,80	-	0	
-	H. Tòa Chùa	208,28	208,28	-	-	-	0	
1.4	Hỗ trợ ứng dụng kỹ thuật công nghệ tưới nước tiết kiệm	4,3	0	0	0	4,3	0	nguồn vốn hỗ trợ nông nghiệp
-	H. Điện Biên	4,3				4,3	0	
1.5	Hỗ trợ sản xuất nông sản chất lượng cao, ATTP, ứng dụng công nghệ cao, BVMT (Tòa Chùa)	480	480	0	0	0	0	
1.6	Hỗ trợ công tác chỉ đạo, tuyên truyền, triển khai cho BQL cấp xã, HTX hoặc Ban nông nghiệp thôn bản để dồn điền đổi thửa	0	0	0	0	0	0	

Stt	Nội dung	Kinh phí thực hiện giai đoạn 2019-2023						Nguồn kinh phí hỗ trợ
		Tổng cộng	2019	2020	2021	2022	2023	
	Tổng (I+II+III+IV+V+VI+VII)	93.331,82	22.782,19	20.159,53	19.904,45	30.485,65	-	
1.7	Hỗ trợ công tác đo đạc, chỉnh lý biến động hồ sơ địa chính; cấp đổi GCNQSDĐ diện tích đồn điền, đổi thửa	0	0	0	0	0	0	
1.8	Hỗ trợ tiêu thụ, xúc tiến thương mại	0	0	0	0	0	0	
							0	
II	Chính sách 2: Hỗ trợ phát triển Chăn nuôi trâu, bò	845,606	202,85	217,6	238,668	186,488	0	
1	Hỗ trợ cải tạo đàn trâu, bò địa phương bằng phối giống trực tiếp	0	0	0	0	0	0	
2	Hỗ trợ cải tạo đàn bò địa phương bằng phương pháp thụ tinh nhân tạo	845,606	202,85	217,6	238,668	186,488	0	
-	Sở Nông nghiệp và PTNT	845,606	202,85	217,6	238,668	186,488	0	
3	Hỗ trợ thiến trâu, bò đực không đủ tiêu chuẩn làm con giống	0	0	0	0	0	0	nguồn vốn hỗ trợ nông nghiệp
4	Hỗ trợ mở điểm thụ tinh nhân tạo mới và đào tạo kỹ thuật viên dẫn tinh	0	0	0	0	0	0	
III	Chính sách 3: Hỗ trợ thú y	25.428,18	6.034,18	5.641,12	5.754,94	7.997,95	0,00	
1	Hỗ trợ vắc xin tiêm phòng bệnh cho gia súc, gia cầm	12.497	2.970	3.027	3.100	3.400	0	nguồn vốn hỗ trợ nông nghiệp
-	Sở Nông nghiệp và PTNT	12.497	2.970	3.027	3.100	3.400	0	
2	Hỗ trợ tiền công, vật tư, bảo hộ, dụng cụ tiêm phòng, công phun hoá chất sát trùng	12.294	2.617	2.586	2.621	4.470	0	
-	H. Tuần Giáo	508,200	0	0	0	508,2	0	
-	H. Điện Biên Đông	5.540,000	1206	1109	1225	2000	0	ngân sách huyện
-	H. Mường Chà	1.643,894	250	745,298	355,881	292,715	0	nguồn vốn hỗ trợ SXNN (năm 2019, 2020) ngân sách huyện (năm 2021, 2022)
-	H. Điện Biên	3.159,500	1079,6	545,9	853,6	680,4	0	ngân sách huyện
-	H. Mường Ảng	181,630	0			181,63	0	ngân sách huyện
-	H. Nậm Pồ	150,020	0			150,02	0	ngân sách huyện
-	H. Mường Nhé	240,225	0			240,225	0	ngân sách huyện
-	Thành phố Điện Biên Phủ	482	29,91	156,19	151,758	143,97	0	ngân sách thành phố
-	Thị xã Mường Lay	147	51,776	29,2	35	30,991	0	ngân sách thị xã
-	H. Tủa Chùa	242,197				242,197	0	ngân sách huyện

Stt	Nội dung	Kinh phí thực hiện giai đoạn 2019-2023						Nguồn kinh phí hỗ trợ
		Tổng cộng	2019	2020	2021	2022	2023	
	Tổng (I+II+III+IV+V+VI+VII)	93.331,82	22.782,19	20.159,53	19.904,45	30.485,65	-	
3	Hỗ trợ kinh phí cho chủ vật nuôi có gia súc, gia cầm bị rủi ro (chết) do phản ứng sau tiêm phòng vắc xin	22,30			22,3			
-	H. Điện Biên	22,3			22,3		0	ngân sách huyện
4	Hỗ trợ tập huấn kỹ thuật, kiến thức cho viên chức và nhân viên thú y cơ sở	614,42	446,89	28,53	11,40	127,60	0	
-	H. Mường Ảng	46	15,6			30	0	nguồn vốn hỗ trợ nông nghiệp
-	H. Mường Nhé	29		28,53			0	nguồn vốn hỗ trợ nông nghiệp
-	H. Tủa Chùa	240	142,79			97,597	0	nguồn vốn hỗ trợ nông nghiệp
-	H. Tuần Giáo	99,90	88,5		11,4		0	nguồn vốn hỗ trợ nông nghiệp
-	Sở Nông nghiệp và PTNT	200,00	200					
IV	Chính sách 4: Hỗ trợ sản xuất, phát triển lâm nghiệp	5.817,5	1.388,2	1.062,1	1.510,8	1.856,4	0,0	
1	Hỗ trợ hộ gia đình, cá nhân chuyển đất nương, đất trống sang trồng rừng sản xuất và khoanh nuôi tái sinh rừng tự nhiên	3.959,36	454,20	461,99	1.307,49	1.735,67	0	nguồn vốn hỗ trợ nông nghiệp
-	H. Tủa Chùa	2.480,26	252,22	461,99	722,28	1.043,77	0	
-	H. Nậm Pồ	1.479,10	201,98	-	585,22	691,90	0	
2	Hỗ trợ chi phí lập hồ sơ giao khoán lần đầu đối với trồng rừng sản xuất, khoanh nuôi xúc tiến tái sinh rừng tự nhiên không trồng bổ sung và bảo vệ rừng	0	0	0	0	0	0	
3	Hỗ trợ giao đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để trồng rừng và khoanh nuôi xúc tiến tái sinh rừng tự nhiên (huyện Tuần Giáo)	313,5	313,5					nguồn vốn hỗ trợ nông nghiệp
4	Hỗ trợ bảo vệ và phát triển cây hoa ban	1.544,67	620,53	600,09	203,32	120,73	0	nguồn vốn hỗ trợ nông nghiệp
-	H. Tủa Chùa	1.048,67	620,53	243,09	119,32	65,73	0	
-	H. Nậm Pồ	-	-	-	-	-	0	
-	H. Điện Biên	496	0	357	84	55	0	
V	Chính sách 5: Hỗ trợ phát triển cây hoa Anh Đào (Sở Nông nghiệp và PTNT)	2.752,38	0,00	197,29	20,78	2.534,31	0	nguồn dự án trồng hoa Anh đào giai đoạn 2020-2025
VI	Chính sách 6: Hỗ trợ phát triển thủy sản	4.227,16	2.274,45	733,70	979,95	239,06	0	
1	Hỗ trợ phát triển nuôi cá Tầm/cá Hồi vân trong bể xây	0	0	0	0	0	0	

Stt	Nội dung	Kinh phí thực hiện giai đoạn 2019-2023						Nguồn kinh phí hỗ trợ
		Tổng cộng	2019	2020	2021	2022	2023	
	Tổng (I+II+III+IV+V+VI+VII)	93.331,82	22.782,19	20.159,53	19.904,45	30.485,65	-	
2	Hỗ trợ phát triển nuôi các loài cá có giá trị kinh tế cao (Cá Lăng, cá Tầm, cá Chép giòn, cá Trắm giòn...) trong lồng tại các hồ thủy lợi, thủy điện	4.227,16	2.274,45	733,70	979,95	239,06	0	nguồn vốn hỗ trợ nông nghiệp
-	H. Mường Ảng	239,06	-	-	-	239,06	0	
-	H. Tòa Chùa	3.748,10	2.274,45	733,70	739,95	-	0	
-	Sở Nông nghiệp và PTNT	240,00			240			
VII	Hỗ trợ chuyển tiếp tại Nghị quyết số 322/2013/NQ-HĐND ngày 13/12/2013 của HĐND tỉnh	724,24	332,27	185,22	128,09	78,67	-	nguồn vốn hỗ trợ nông nghiệp
-	H. Tòa Chùa	616,96	286,62	153,07	112,11	65,15	-	
-	Sở Nông nghiệp và PTNT	107,29	45,65	32,15	15,97	13,51		

Biểu 03: KẾT QUẢ THỰC HIỆN KINH PHÍ QUA CÁC NĂM (2019-2023)
(Kèm theo Báo cáo số: 34 /BC-ĐGS ngày 05/7/2023 của HĐND tỉnh Điện Biên)

ĐVT: Triệu đồng

Stt	Nội dung	Kinh phí phân bổ qua các năm giai đoạn 2019-2023					Kinh phí thực hiện giai đoạn 2019-2023					Ghi chú		
		Tổng cộng	2019	2020	2021	2022	2023	Tổng cộng	2019	2020	2021		2022	2023
	Tổng (I+II+III)							93.331,82	22.782,19	20.159,53	19.904,45	30.485,65	-	
I	Nguồn hỗ trợ sản xuất nông nghiệp	119.300	20.000	20.000	20.000	29.300	30.000	84.820,28	21.620,90	19.230,95	18.487,43	25.480,99	-	
-	Chính sách 1: Hỗ trợ phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp							53.536,72	12.550,21	12.122,52	11.271,21	17.592,77	-	
-	Chính sách 2: Hỗ trợ phát triển Chăn nuôi trâu, bò							845,61	202,85	217,6	238,668	186,488	0	
-	Chính sách 3: Hỗ trợ thú y							19.669,02	4.872,89	4.909,83	4.358,70	5.527,60	0	
-	Chính sách 4: Hỗ trợ sản xuất, phát triển lâm nghiệp							5.817,53	1.388,2	1.062,1	1.510,8	1.856,4	0	
-	Chính sách 6: Hỗ trợ phát triển thủy sản							4.227,16	2.274,45	733,70	979,95	239,06	0	
-	Hỗ trợ chuyển tiếp tại Nghị quyết số 322/2013/NQ-HĐND ngày 13/12/2013 của HĐND tỉnh							724,24	332,27	185,22	128,09	78,67	-	
II	Nguồn ngân sách huyện							5.759,16	1.161,29	731,29	1.396,24	2.470,35	0	
-	Chính sách 3: Hỗ trợ thú y							5.759,16	1.161,29	731,29	1.396,24	2.470,35	0	
III	Nguồn hỗ trợ phát triển hoa Anh Đào	5.140		300	1.800	2.542	498	2.752,38	-	197,29	20,78	2.534,31	0	
-	Chính sách 5: Hỗ trợ phát triển cây hoa Anh Đào							2.752,38	-	197,29	20,78	2.534,31	0	

Biểu 04: TỔNG HỢP KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NỘI DUNG, KINH PHÍ HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT NÔNG LÂM NGHIỆP VÀ THỦY SẢN THEO NGHỊ QUYẾT SỐ 05/2018/NQ- HĐND
(Kèm theo Báo cáo số: 131/BC-DGS ngày 05/7/2023 của HĐND tỉnh Điện Biên)

TT	Nội dung chính sách	Năm thực hiện	Kinh phí các năm (triệu đồng)					Quy mô và kết quả thực hiện	Địa bàn thực hiện	Ghi chú
			Tổng	2019	2020	2021	2022	2023		
			Thực hiện	Thực hiện	Thực hiện	Thực hiện	Thực hiện	Thực hiện		
	Tổng (I+II+III+IV+V+VI+VII)		93.331,818	22.782,188	20.159,529	19.904,450	30.485,651			
I	Hỗ trợ phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp		53.536,72	12.550	12.123	11.271	17.593			
1	Giống, vật tư thiết yếu theo các dự án được phê duyệt		50.578	10.622	11.493	11.051	17.411,99	-		
1.1	HUYỆN MUÔNG ẢNG		8.624,814021	2.552,876211	1.992,047400	1.889,634850	2.190,255560	-		
1	Dự án "Liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm cây ăn quả: Bưởi Da xanh, Xoài Đài Loan thuộc Chương trình hỗ trợ phát triển sản xuất nông lâm nghiệp thực hiện cơ cấu lại ngành nông nghiệp năm 2019, giai đoạn 2019-2023 trên địa bàn huyện Mường Ảng"	2019-2020	2.607,817211	2.242,376211	152,205000	213,236000		Diện tích: 32,27 ha; Hiện cây trồng đang cho thu hoạch, cây sinh trưởng phát triển bình thường	Áng Nua, Áng Cang, Áng Tờ, Búng Lao, Xuân Lao và thị trấn Mường Ảng	
2	Hỗ trợ dây thép làm giàn + Vôi (tổng gộp dự án Liên kết sản xuất trong trồng và tiêu thụ sản phẩm chanh leo)	2019	310,500000	310,500000				Diện tích: 23 ha	Áng Nua, Áng Cang, Búng Lao, Mường Ảng, Áng Tờ	
3	Dự án "Liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm cây ăn quả Bưởi Da Xanh và Xoài Đài Loan thuộc Chương trình hỗ trợ phát triển sản xuất nông lâm nghiệp thực hiện cơ cấu lại ngành nông nghiệp năm 2020, giai đoạn 2020-2024"	2020-2022	2.174,933700		1.839,842400	142,702750	192,388550	Diện tích: 27,25 ha; Hiện cây trồng đang ra quả bội, cây sinh trưởng phát triển bình thường	Áng Cang, Áng Tờ, Mường Lan, Xuân Lao, Thị Trấn	
4	Dự án "Liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm cây ăn quả Bưởi Da Xanh và Xoài GL4 thuộc Chương trình hỗ trợ phát triển sản xuất nông lâm nghiệp thực hiện cơ cấu lại ngành nông nghiệp năm 2021, giai đoạn 2021-2025"	2021-2022	1.660,607750			1.533,696100	126,911650	Diện tích: 24,85 ha; Hiện cây trồng đang trong giai đoạn KTCB, cây sinh trưởng phát triển bình thường	Áng Nua, Thị Trấn, Búng Lao, Xuân Lao, Mường Lan	
5	Dự án "Liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm cây ăn Mít siêu sớm da xanh, Nà Đài loan, Xoài Đài Loan thuộc Chương trình hỗ trợ phát triển sản xuất nông lâm nghiệp thực hiện cơ cấu lại ngành nông nghiệp năm 2022, giai đoạn 2022-2026"	2022	1.870,955360				1.870,955360	Diện tích: 17,66 ha; Hiện cây trồng đang trong giai đoạn KTCB, cây sinh trưởng phát triển bình thường	Áng Cang, Áng Tờ, Thị Trấn, Áng Nua, Búng Lao	
1.2	THÀNH PHỐ		3.379	420,1	883,59	425,17	1650,061			
1	Dự án liên kết chăn nuôi và tiêu thụ vật bầu an toàn sinh học trên địa bàn thành phố Điện Biên Phủ 2019	2019	420	420,1				99 hộ dân tham gia với quy mô dân vật 4.758 con	Xã Thanh Minh, Tả Lềng	
2	Năm 2020 thực hiện dự án liên kết chăn nuôi và tiêu thụ vật bầu an toàn sinh học	2020	424		423,83			3605 con với 62 hộ dân tham gia	Xã Thanh Minh, Nà Tấu, Mường Phăng	
3	Năm 2020 thực hiện Dự án liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm cá rô phi đơn tính trong ao hồ gia đình tại xã Pá Khoang thành phố Điện Biên Phủ	2020	460		459,76			2.763 ha với 25 hộ dân tham gia	Xã Pá Khoang	
4	Dự án thực hiện dự án liên kết trồng và tiêu thụ sản phẩm ngô vụ đông năm 2021 tại xã Nà Tấu, Thanh Trường	2021	89			89,19		10,5 ha a (04 ha ngô sinh khối và 6,5 ha ngô nếp); 131 hộ dân tham gia	Phường Noong Bua, Thanh Trường, xã Nà Tấu	
5	Năm 2021 thực hiện dự án liên kết chăn nuôi và tiêu thụ sản phẩm gà thịt an toàn sinh học (vụ 1)	2021	125			124,73				
6	Năm 2021 thực hiện dự án liên kết chăn nuôi và tiêu thụ sản phẩm gà thịt an toàn sinh học (vụ 2)	2021	211			211,25		14.140 con gà với 266 lượt hộ dân tham gia tại các xã, phường trên địa bàn thành phố	Các xã, phường: Thanh Minh, Nam Thanh, Noong Bua, Tân Thanh, Thanh Trường, Mường Thanh, Thanh Bình, Him Lam	
7	Dự án liên kết trồng và tiêu thụ sản phẩm ngô đông vụ 2	2022	188				188,49	14,99 ha; 111 hộ dân tham gia	Phường Noong Bua, Nam Thanh, Thanh Trường	
8	Dự án liên kết trồng và tiêu thụ sản phẩm ổi Ruby (Đài Loan)	2022	500				500	10 ha; 28 hộ dân tham gia	Xã Pá Khoang	
9	Dự án liên kết chăn nuôi và tiêu thụ sản phẩm gà thịt an toàn sinh học vụ 3	2022	590				590,321	18.750 con; 323 hộ tham gia	Các xã, phường trên địa bàn thành phố	
10	Dự án liên kết nuôi và tiêu thụ sản phẩm cá trắm giòn thương phẩm	2022	371				371,25	0,32 ha; 08 hộ tham gia	Xã Thanh Minh, Mường Phăng, phường Him Lam	
1.3	HUYỆN MUÔNG NHÉ		4.178	1320,705	1082,441	873,4765	901,405			
1	Dự án hợp tác liên kết sản xuất và tiêu thụ cây Sa nhân tìm dưới tán rừng tại xã Sín Thầu	2019-2021	984	766,48	108,6	108,6		Quy mô 26 ha, số hộ thụ hưởng là 30 hộ	Xã Sín Thầu	
2	Dự án liên kết cung ứng vật tư, dịch vụ đầu vào gắn với tiêu thụ sản phẩm cam V2 tại xã Mường Nhé	2020-2022	931		675,07	96,10	159,432	Quy mô 16,5 ha, số hộ thụ hưởng là 57 hộ	Xã Mường Nhé	

TT	Nội dung chính sách	Năm thực hiện	Kinh phí các năm (triệu đồng)					Quy mô và kết quả thực hiện	Địa bàn thực hiện	Ghi chú	
			Tổng	2019	2020	2021	2022				2023
3	Liên kết cung ứng vật tư đầu vào gắn với tiêu thụ sản phẩm hạt giổi tại xã Chung Chải	2021-2022	495			485,94	8,576		Quy mô 16 ha, số hộ hu hưởng là 25 hộ	Xã Chung Chải	
4	Liên kết cung ứng vật tư đầu vào gắn với tiêu thụ sản phẩm hạt giổi tại xã Mường Toong	2022	554				554,225		Quy mô 18 ha, số hộ thù hưởng là 42 hộ	Xã Mường Toong	
5	Dự án liên kết cung ứng vật tư, dịch vụ đầu vào gắn với tiêu thụ sản phẩm Gà thịt	2019	554	554,225					Số hộ thụ hưởng 50 hộ.	Xã Mường Nhé	
6	Dự án liên kết cung ứng vật tư, dịch vụ đầu vào gắn với tiêu thụ sản phẩm vịt thịt	2020-2022	661		298,775	182,837	179,172		Số hộ thụ hưởng 27 hộ.	Xã Quảng Lâm	
1.4	HUYỆN TUẦN GIÁO		11.795	1645,8	1978,0	1989,0	6182,2	0,0	6,4 ha, 11 hộ tham gia, hiện tại cây sinh trưởng và phát triển tốt	Xã Rạng Đông huyện Tuần Giáo	
1	Dự án hợp tác liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm quả Xoài Đài Loan	2019	468	468,0					21,3 ha, 49 hộ tham gia	Xã Rạng Đông, Mường Mùn huyện Tuần Giáo	
2	Dự án hợp tác liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm quả Chanh leo tím	2019	882	882,0							
3	Dự án liên kết và tiêu thụ sản phẩm Lạc	2019	296	295,8					16 ha, 100 hộ tham gia	Xã Mường Thín, Quải Cang huyện Tuần Giáo	
4	Dự án hợp tác liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm quả Xoài Đài Loan, Nhân chín muộn	2020	1.978		1.978				Xoài Đài Loan: 21,47 ha, 52 hộ tham gia ; Nhân chín muộn: 11,14 ha, 37 hộ tham gia; Hiện tại cây sinh trưởng và phát triển bình thường	Xã Rạng Đông, Mường Mùn huyện Tuần Giáo	
5	Dự án hợp tác liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm quả Xoài GL4	2021	1.989			1.989			45,4 ha, 70 hộ tham gia; Hiện tại cây sinh trưởng và phát triển bình thường	Xã Rạng Đông, Pù Nhung huyện Tuần Giáo	
6	Dự án hợp tác liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm quả Mít siêu sớm TL1	2022	2.730				2.730,0		31,5 ha, 106 hộ tham gia; Hiện tại cây sinh trưởng và phát triển bình thường	Xã Rạng Đông, Pù Nhung, Mường Mùn huyện Tuần Giáo	
7	Dự án hợp tác liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm quả Mắc ca	2022	3.452				3.452,2		149,52 ha, 261 hộ tham gia; hiện tại cây sinh trưởng và phát triển tốt	Xã Tỏa Tinh, Pù Nhung, Quải Nưn, Quải Cang	kinh phí thực hiện năm 2022 theo số ước
1.5	HUYỆN TÙA CHÙA		9168,97	1836,13	2766,00	2772,48	1794,37				
1	Dự án liên kết sản xuất và chế biến, tiêu thụ chè Tuyết shan trên địa bàn xã Sinh Phình huyện Tủa Chùa	2019-2020	360,00	160	200				32 ha; 391 hộ; 12 thôn	Xã Sinh Phình	
2	Dự án liên kết nuôi trồng, tiêu thụ cá rô phi trong ao trên địa bàn xã Mường Báng, Mường Đun, huyện Tủa Chùa	2019-2020	856,56	473,9034	382,658				03 ha; 47 hộ; 06 thôn	Xã Mường Báng, Mường Đun	
3	Dự án liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm Sa nhân trên địa bàn xã Tá Phìn, Mường Đun, Tủa Thàng, huyện Tủa Chùa	2019	1132,30	1132,3					16,9 ha; 99 hộ; 3 thôn	Xã Mường Đun, Tủa Thàng, Tá Phìn	
4	Dự án liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm Su su trên địa bàn xã Trung Thu, huyện Tủa Chùa	2019	69,93	69,925					02 ha; 15 hộ; 05 thôn	Xã Trung Thu	
5	Dự án liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm Mít Thái lan trên địa bàn xã Tủa Thàng, huyện Tủa Chùa	2020	698,00		698				29 hộ tại 01 thôn	Xã Tủa Thàng	
6	Dự án liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm Mắc ca trên địa bàn xã Mường Đun, Mường Báng, huyện Tủa Chùa	2020	674,11		674,108				19,04 ha; 30 hộ	Xã Mường Đun, Mường Báng	
7	Dự án liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm Chanh leo trên địa bàn xã Trung Thu huyện Tủa Chùa	2020	569,04		569,042				43 hộ; 05 thôn	Xã Trung Thu	
8	Dự án liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm Bì đỏ trên địa bàn xã Trung Thu huyện Tủa Chùa	2020	57,72		57,72				20 hộ; 05 thôn	Xã Trung Thu	
9	Dự án liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm Khoai sọ trên địa bàn xã Trung Thu huyện Tủa Chùa	2020	184,47		184,4675				17 hộ; 04 thôn	Xã Trung Thu	
10	Dự án liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm Ngô lai LVN 885 trên địa bàn xã Tủa Thàng, thị trấn Tủa Chùa, huyện Tủa Chùa	2021	361,22			361,216			34 ha; 156 hộ	Thị trấn Tủa Chùa, xã Tủa Thàng	
11	Dự án liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm Mắc Ca trên địa bàn xã Xá Nhè, huyện Tủa Chùa	2021-2022	980,65			971,471	9,18		25,5 ha; 41 hộ; 04 thôn	Xã Xá Nhè	
12	Dự án liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm Vịt bầu trên địa bàn xã Mường Đun, Tủa Thàng, huyện Tủa Chùa	2021-2022	668,46			276,8784	391,584		6160 con; 77 hộ	Xã Mường Đun, Tủa Thàng	
13	Dự án liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm Lúa thương phẩm TBR 225 và Bắc thom số 7 trên địa bàn thị trấn Tủa Chùa	2021	780,50			780,5			52 ha; 333 hộ	Thị trấn Tủa Chùa	
14	Dự án liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm Đào địa phương trên địa bàn xã Mường Báng, Trung Thu, huyện Tủa Chùa	2021-2022	386,24			382,4125	3,8225		2,5 ha; 13 hộ; 2 thôn	Mường Báng, Trung Thu	

TT	Nội dung chính sách	Năm thực hiện	Kinh phí các năm (triệu đồng)					Quy mô và kết quả thực hiện	Địa bàn thực hiện	Ghi chú
			Tổng	2019	2020	2021	2022	2023		
15	Dự án liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm Ngô lai 092 trên địa bàn xã Tủa Thàng, thị trấn Tủa Chùa, huyện Tủa Chùa	2022	537,72				537,72		40 ha; 152 hộ	Thị trấn Tủa Chùa, xã Tủa Thàng
16	Dự án liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm Đào địa phương trên địa bàn xã Tả Phìn, huyện Tủa Chùa	2022	424,60				424,6		5,5 ha; 18 hộ	Xã Tả Phìn
17	Dự án liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm Ngan trâu trên địa bàn xã Tả Phìn huyện Tủa Chùa	2022	427,46				427,464		2.160 con, 27 hộ	Xã Tả Phìn
1.6	TX. MUÔNG LAY		1054,67	123,80	134,50	134,50	661,87			
1	Dự án hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ Vịt thịt an toàn sinh học 2019	2019	123,80	123,8					1350 con	xã Lay Nua, phường Na Lay
2	Dự án hỗ trợ liên kết chăn nuôi và tiêu thụ Gà lai chơi an toàn thực phẩm 2020	2020	134,50		134,5				1.700 con gà giống	xã Lay Nua
3	Dự án hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm Cá rô phi đơn tính an toàn thực phẩm 2021	2021	134,50			134,5			16.000 con cá giống	xã Lay Nua
4	Dự án liên kết chăn nuôi và tiêu thụ sản phẩm lợn thịt an toàn thực phẩm trên địa bàn thị xã Mường Lay 2022	2022	385,80				385,80		109 con; 16 hộ gia đình tham gia	phường Na Lay
5	Dự án liên kết chăn nuôi và tiêu thụ sản phẩm Lợn thịt an toàn thực phẩm trên địa bàn phường Na Lay 2022	2022	92,02				92,02		26 con; 02 hộ	phường Na Lay
6	Dự án liên kết chăn nuôi và tiêu thụ sản phẩm Lợn thịt an toàn thực phẩm trên địa bàn phường Sông Đà 2022	2022	92,02				92,02		26 con; 05 hộ	phường Sông Đà
7	Dự án liên kết chăn nuôi và tiêu thụ sản phẩm Lợn thịt an toàn thực phẩm trên địa bàn xã Lay Nua 2022	2022	92,02				92,02		26 con; 05 hộ	xã Lay Nua
1.7	HUYỆN NẠM PÔ		754,0	488,7	133,2	132,3				
-	Dự án hỗ trợ giống ong nội, vật tư nuôi ong trên địa bàn 02 xã Chà Nua, Chà Cang	2020-2022	754,2		488,7	133,2	132,3		300 đàn ong	Xã Chà Nua, xã Chà Cang
1.8	HUYỆN ĐIỆN BIÊN		8.999,2	2082,1	2109,2	1974,5	2833,4	0		
1	Dự án liên kết sản xuất và tiêu thụ lúa, gạo Bắc thơm số 7 tại xã Thanh An, Thanh Xương, huyện Điện Biên	2019	97,5	97,5					25ha, số hộ: 77	tại xã Thanh An, Thanh Xương, huyện Điện Biên
2	Dự án liên kết sản xuất và tiêu thụ lúa, gạo chất lượng cao tại xã Thanh Yên, Thanh Chân, Thanh Xương huyện Điện Biên	2019	294,9	294,9					70,7 ha, số hộ: 176	tại xã Thanh Yên, Thanh Chân, Thanh Xương huyện Điện Biên
3	Dự án liên kết trồng và tiêu thụ sản phẩm lúa gạo đảm bảo an toàn tại xã Thanh Hưng huyện Điện Biên	2019	77,7	77,7					35ha, Số hộ: 34	tại xã Thanh Hưng huyện Điện Biên
4	Dự án liên kết nuôi và tiêu thụ sản phẩm cá rô phi đơn tính trong lồng bè tại Hồ Hồng Khênh xã Thanh Hưng	2019	774,9	774,9					900m3, số hộ: 20	tại Hồ Hồng Khênh xã Thanh Hưng, huyện Điện Biên
5	Dự án liên kết nuôi và tiêu thụ sản phẩm cá rô phi đơn tính trong lồng bè tại Hồ Pá Khoang xã Pá Khoang, huyện Điện Biên	2019	837,1	837,1					550 m3: số hộ: 27	tại Hồ Pá Khoang xã Pá Khoang, huyện Điện Biên
6	Dự án liên kết sản xuất và tiêu thụ lúa, gạo Bắc thơm số 7 tại xã Thanh An, Thanh Xương, huyện Điện Biên (Vụ đông xuân 2019-2020, Vụ mùa năm 2020)	2020	197,1		197,1				25ha, số hộ: 77	tại xã Thanh An, Thanh Xương, huyện Điện Biên Vụ Đông xuân 2019-2020
7	Dự án liên kết sản xuất và tiêu thụ lúa, gạo chất lượng cao tại xã Thanh Yên, Thanh Chân, Thanh Xương huyện Điện Biên (Vụ đông xuân 2019-2020, Vụ mùa năm 2020)	2020	614,6		614,6				70,7 ha, số hộ Vụ đông xuân 2019-2020: 188, Vụ mùa 155 hộ	tại xã Thanh Yên, Thanh Chân, Thanh Xương huyện Điện Biên vụ Đông xuân 2019-2020
8	Dự án liên kết nuôi và tiêu thụ sản phẩm cá rô phi đơn tính trong lồng bè tại Hồ Hồng Sặt xã Sam Mút	2020	663,5		663,5				800m3, 19 hộ	tại Hồ Hồng Sặt xã Sam Mút
9	Dự án liên kết chăn nuôi ong và tiêu thụ sản phẩm mật ong tại xã Sam Mút, Pom Lót, Thanh An, Núa ngam, Noong Hẹt	2020	550,8		550,8				400 dân, 20 hộ dân	tại xã Sam Mút, Pom Lót, Thanh An, Núa ngam, Noong Hẹt, huyện Điện Biên
10	Dự án liên kết trong tiêu thụ trâu, bò thịt vỗ béo tại xã Thanh Yên, Pom Lót, Núa ngam, Noong Hẹt, huyện Điện Biên	2020	83,2		83,2				300 con, 14 hộ	tại xã Thanh Yên, Pom Lót, Núa ngam, Noong Hẹt, huyện Điện Biên
11	Dự án liên kết trồng và tiêu thụ sản phẩm sa nhân tím tại xã Mường pôn huyện Điện Biên	2021	1.122,7			1122,7			13,44ha, 42 hộ	tại xã Mường pôn huyện Điện Biên

TT	Nội dung chính sách	Năm thực hiện	Kinh phí các năm (triệu đồng)					Quy mô và kết quả thực hiện	Địa bàn thực hiện	Ghi chú
			Tổng	2019	2020	2021	2022	2023		
12	Dự án liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm rau, quả an toàn tại xã Noong Luổng, huyện Điện Biên	2021-2022	41,2			34,9	6,3		9,06 ha, 24 hộ	tại xã Noong Luổng, huyện Điện Biên
13	Dự án liên kết nuôi và tiêu thụ sản phẩm cá rô phi đơn tính trong lồng bè tại Hồ Hồng Khánh xã Thanh Hưng	2021	216,0			216			900m3, 18 hộ	tại Hồ Hồng Khánh xã Thanh Hưng, huyện Điện Biên
14	Dự án liên kết nuôi và tiêu thụ sản phẩm cá rô phi đơn tính trong lồng bè tại Hồ Hồng Sặt xã Sam Múm	2021	222,7			222,7			900m3, 18 hộ	tại Hồ Hồng Sặt xã Sam Múm
15	Dự án liên kết chăn nuôi ong và tiêu thụ sản phẩm mật ong tại xã Sam Múm, Pom Lót, Thanh An, Núa ngam, Noong Hệt	2021	378,2			378,2			320 đàn, 20 hộ	tại xã Sam Múm, Pom Lót, Thanh An, Núa ngam, Noong Hệt, huyện Điện Biên
16	Dự án liên kết trồng và tiêu thụ sản phẩm sa nhân tím tại xã Mường Pồn, xã Pa Thơm huyện Điện Biên	2022	2.493,9				2493,9		24,45 ha, 69 hộ	tại xã Mường Pồn, xã Pa Thơm huyện Điện Biên
17	Dự án liên kết trồng và tiêu thụ sản phẩm sa nhân tím tại xã Mường pồn huyện Điện Biên	2022	158,8				158,8		13,44ha, 42 hộ	tại xã Mường pồn huyện Điện Biên
18	Dự án liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm rau, quả an toàn tại xã Noong Luổng, huyện Điện Biên	2022	35,8				35,8		9,06 ha, 24 hộ	tại xã Noong Luổng, huyện Điện Biên
19	Dự án liên kết nuôi và tiêu thụ sản phẩm cá rô phi đơn tính trong lồng bè tại Hồ Hồng Khánh xã Thanh Hưng, huyện Điện Biên	2022	7,4				7,4		100m3, 20 hộ	tại Hồ Hồng Khánh xã Thanh Hưng, huyện Điện Biên
20	Dự án liên kết nuôi và tiêu thụ sản phẩm cá rô phi đơn tính trong lồng bè tại Hồ Hồng Sặt xã Sam Múm	2022	7,0				7		100m3, 18 hộ	tại Hồ Hồng Sặt xã Sam Múm
21	Dự án liên kết chăn nuôi ong và tiêu thụ sản phẩm mật ong tại xã Sam Múm, Pom Lót, Thanh An, Núa ngam, Noong Hệt	2022	13,5				13,5		500 đàn, 20 hộ	tại xã Sam Múm, Pom Lót, Thanh An, Núa ngam, Noong Hệt, huyện Điện Biên
22	Dự án liên kết trong tiêu thụ trâu, bò thịt vỗ béo tại xã Thanh Yên, Pom Lót, Núa ngam, Noong Hệt, huyện Điện Biên	2022	110,7				110,7		10 con, 7 hộ	tại xã Thanh Yên, Pom Lót, Núa ngam, Noong Hệt, huyện Điện Biên
1.9	HUYỆN MUỜNG CHÁ		2.624,5	640,019	59,005	859,322	1066,13			
1	Liên kết trồng và tiêu thụ sả Java	2019-2020	699,0	640,019	59,005				- Quy mô: 43,4 ha; 249 hộ năng suất đạt 2-3 tấn/ha/lứa; giá trị đạt 18 triệu đồng/ha/năm	Xã Nậm Nền; Xã Ma Thi Hồ
2	Liên kết trồng và tiêu thụ hoa hồng	2021	859,3			859,322			2 ha; 19 hộ; lợi nhuận 80 tr.đồng/2 ha.	- Thị trấn Mường Chá
3	Hỗ trợ liên kết trồng, chăm sóc và tiêu thụ cây quế	2022	1.066,1				1066,13		Tổng diện tích 82,01 ha	Xã Na Sang, Ma Thi Hồ, Mường Tùng, Sả Tòng, Huổi Lèng
2	Hỗ trợ bao bì, nhãn mác, kiểm định chất lượng sản phẩm, khai thác chỉ dẫn địa lý		824,2	309,1	237,4	101,1	176,48	-		
2.1	THÀNH PHỐ ĐIỆN BIÊN PHỦ		140,5	19,21	20,24	43,1	57,912	0		
1	Dự án liên kết chăn nuôi và tiêu thụ vịt bầu an toàn sinh học trên địa bàn thành phố Điện Biên Phủ 2019	2019		19,21					99 hộ dân tham gia với quy mô đàn vịt 4.758 con	Xã Thanh Minh, Tà Lèng
2	Năm 2020 thực hiện dự án liên kết chăn nuôi và tiêu thụ vịt bầu an toàn sinh học	2020			16,12				3605 con với 62 hộ dân tham gia	Xã Thanh Minh, Nà Tấu, Mường Phăng
3	Năm 2020 thực hiện Dự án liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm cá rô phi đơn tính trong ao hồ gia đình tại xã Pá Khoang thành phố Điện Biên Phủ	2020			4,12				2,763 ha với 25 hộ dân tham gia	Xã Pá Khoang
4	Dự án thực hiện dự án liên kết trồng và tiêu thụ sản phẩm ngô vụ đông năm 2021 tại xã Nà Tấu, Thanh Trường	2021				4,16			10,5 ha a (04 ha ngô sinh khối và 6,5 ha ngô nếp); 131 hộ dân tham gia	Phường Noong Bua, Thanh Trường, xã Nà Tấu
5	Năm 2021 thực hiện dự án liên kết chăn nuôi và tiêu thụ sản phẩm gà thịt an toàn sinh học (vụ 1)	2021				19,62				
6	Năm 2021 thực hiện dự án liên kết chăn nuôi và tiêu thụ sản phẩm gà thịt an toàn sinh học (vụ 2)	2021				19,32			14.140 con gà với 266 lượt hộ dân tham gia tại các xã, phường trên địa bàn thành phố	Các xã, phường: Thanh Minh, Nam Thanh, Noong Bua, Tân Thanh, Thanh Trường, Mường Thanh, Thanh Bình, Hím Lam
7	Dự án liên kết trồng và tiêu thụ sản phẩm ngô đông vụ 2 năm 2022	2022					11,41		14,99 ha; 111 hộ dân tham gia	Phường Noong Bua, Nam Thanh, Thanh Trường
8	Dự án liên kết trồng và tiêu thụ sản phẩm ôi Ruby (Đài Loan) 2022	2022					0		10 ha; 28 hộ dân tham gia	Xã Pá Khoang
9	Dự án liên kết chăn nuôi và tiêu thụ sản phẩm gà thịt an toàn sinh học vụ 3 năm 2022	2022					17,752		18.750 con; 323 hộ tham gia	Các xã, phường trên địa bàn thành phố
10	Dự án liên kết nuôi và tiêu thụ sản phẩm cá trắm giòn thương phẩm năm 2022	2022					28,75		0,32 ha; 08 hộ tham gia	Xã Thanh Minh, Mường Phăng, phường Hím Lam

TT	Nội dung chính sách	Năm thực hiện	Kinh phí các năm (triệu đồng)					Quy mô và kết quả thực hiện	Địa bàn thực hiện	Ghi chú
			Tổng	2019	2020	2021	2022	2023		
2.2	TX. MUƠNG LAY		80,03	10,90	15,50	15,50	38,13			
1	Dự án hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ Vịt thịt an toàn sinh học 2019	2019		10,9					1350 con	xã Lay Nua, phường Na Lay
2	Dự án hỗ trợ liên kết chăn nuôi và tiêu thụ Gà lai chọn an toàn thực phẩm 2020	2020			15,5				1.700 con gà giống	xã Lay Nua
3	Dự án hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm Cá rô phi đơn tính an toàn thực phẩm 2021	2021				15,5			16.000 con cá giống	xã Lay Nua
4	Dự án liên kết chăn nuôi và tiêu thụ sản phẩm lợn thịt an toàn thực phẩm trên địa bàn thị xã Mường Lay 2022	2022					14,200		109 con; 16 hộ gia đình tham gia	phường Na Lay
5	Dự án liên kết chăn nuôi và tiêu thụ sản phẩm Lợn thịt an toàn thực phẩm trên địa bàn phường Na Lay 2022	2022					7,977		26 con; 02 hộ	phường Na Lay
6	Dự án liên kết chăn nuôi và tiêu thụ sản phẩm Lợn thịt an toàn thực phẩm trên địa bàn phường Sông Đà 2022	2022					7,977		26 con; 05 hộ	phường Sông Đà
7	Dự án liên kết chăn nuôi và tiêu thụ sản phẩm Lợn thịt an toàn thực phẩm trên địa bàn xã Lay Nua 2022	2022					7,977		26 con; 05 hộ	xã Lay Nua
2.3	HUYỆN NẬM PÔ		100		100					
-	Dự án hỗ trợ giống ong nội, vật tư nuôi ong trên địa bàn 02 xã Chà Nưa, Chà Cang	2020-2022	100,0		100				300 đàn ong	Xã Chà Nưa, xã Chà Cang
2.4	HUYỆN ĐIỆN BIÊN		456,2	279	101,7	14,6	60,9	0		
1	Dự án liên kết sản xuất và tiêu thụ lúa, gạo Bắc thơm số 7 tại xã Thanh An, Thanh Xương, huyện Điện Biên	2019	60						25ha, số hộ: 77	tại xã Thanh An, Thanh Xương, huyện Điện Biên
2	Dự án liên kết sản xuất và tiêu thụ lúa, gạo chất lượng cao tại xã Thanh Yên, Thanh Chấn, Thanh Xương huyện Điện Biên	2019	64						70,7 ha, số hộ: 176	tại xã Thanh Yên, Thanh Chấn, Thanh Xương huyện Điện Biên
3	Dự án liên kết trồng và tiêu thụ sản phẩm lúa gạo đảm bảo an toàn tại xã Thanh Hưng huyện Điện Biên	2019	55						35ha, Số hộ: 34	tại xã Thanh Hưng huyện Điện Biên
4	Dự án liên kết nuôi và tiêu thụ sản phẩm cá rô phi đơn tính trong lồng bè tại Hồ Hồng Khénh xã Thanh Hưng, huyện Điện Biên	2019	50						900m3, số hộ: 20	tại Hồ Hồng Khénh xã Thanh Hưng, huyện Điện Biên
5	Dự án liên kết nuôi và tiêu thụ sản phẩm cá rô phi đơn tính trong lồng bè tại Hồ Pá Khoang xã Pá Khoang, huyện Điện Biên	2019	50						550 m3; số hộ: 27	tại Hồ Pá Khoang xã Pá Khoang, huyện Điện Biên
6	Dự án liên kết sản xuất và tiêu thụ lúa, gạo Bắc thơm số 7 tại xã Thanh An, Thanh Xương, huyện Điện Biên (Vụ đông xuân 2019-2020, Vụ mùa năm 2020)	2020			39,8				25ha, số hộ: 77	tại xã Thanh An, Thanh Xương, huyện Điện Biên Vụ Đông xuân 2019-2020
7	Dự án liên kết sản xuất và tiêu thụ lúa, gạo chất lượng cao tại xã Thanh Yên, Thanh Chấn, Thanh Xương huyện Điện Biên (Vụ đông xuân 2019-2020, Vụ mùa năm 2020)	2020			35,7				70,7 ha, số hộ Vụ đông xuân 2019-2020: 188, Vụ mùa 155 hộ	tại xã Thanh Yên, Thanh Chấn, Thanh Xương huyện Điện Biên vụ Đông xuân 2019-2020
8	Dự án liên kết nuôi và tiêu thụ sản phẩm cá rô phi đơn tính trong lồng bè tại Hồ Hồng Sặt xã Sam Mùn	2020			6,2				800m3, 19 hộ	tại Hồ Hồng Sặt xã Sam Mùn
9	Dự án liên kết chăn nuôi ong và tiêu thụ sản phẩm mật ong tại xã Sam Mùn, Pom Lót, Thanh An, Núa ngam, Noong Het, huyện Điện Biên	2020			6,5				400 đàn, 20 hộ dân	tại xã Sam Mùn, Pom Lót, Thanh An, Núa ngam, Noong Het, huyện Điện Biên
10	Dự án liên kết trong tiêu thụ trâu, bò thịt vỗ béo tại xã Thanh Yên, Pom Lót, Núa ngam, Noong Het, huyện Điện Biên	2020			13,5				300 con, 14 hộ	tại xã Thanh Yên, Pom Lót, Núa ngam, Noong Het, huyện Điện Biên
11	Dự án liên kết nuôi và tiêu thụ sản phẩm cá rô phi đơn tính trong lồng bè tại Hồ Hồng Khénh xã Thanh Hưng, huyện Điện Biên	2021				5,3			900m3, 18 hộ	tại Hồ Hồng Khénh xã Thanh Hưng, huyện Điện Biên
12	Dự án liên kết nuôi và tiêu thụ sản phẩm cá rô phi đơn tính trong lồng bè tại Hồ Hồng Sặt xã Sam Mùn	2021				5,3			900m3, 18 hộ	tại Hồ Hồng Sặt xã Sam Mùn
13	Dự án liên kết chăn nuôi ong và tiêu thụ sản phẩm mật ong tại xã Sam Mùn, Pom Lót, Thanh An, Núa ngam, Noong Het, huyện Điện Biên	2021				4			320 đàn, 20 hộ	tại xã Sam Mùn, Pom Lót, Thanh An, Núa ngam, Noong Het, huyện Điện Biên
14	Dự án liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm rau, quả an toàn tại xã Noong Luống, huyện Điện Biên	2022					4,7		9,06 ha, 24 hộ	tại xã Noong Luống, huyện Điện Biên
15	Dự án liên kết nuôi và tiêu thụ sản phẩm cá rô phi đơn tính trong lồng bè tại Hồ Hồng Khénh xã Thanh Hưng, huyện Điện Biên	2022					4,1		100m3, 20 hộ	tại Hồ Hồng Khénh xã Thanh Hưng, huyện Điện Biên
16	Dự án liên kết nuôi và tiêu thụ sản phẩm cá rô phi đơn tính trong lồng bè tại Hồ Hồng Sặt xã Sam Mùn	2022					4,1		100m3, 18 hộ	tại Hồ Hồng Sặt xã Sam Mùn

TT	Nội dung chính sách	Năm thực hiện	Kinh phí các năm (triệu đồng)					Quy mô và kết quả thực hiện	Địa bàn thực hiện	Ghi chú
			Tổng	2019	2020	2021	2022	2023		
17	Dự án liên kết chăn nuôi ong và tiêu thụ sản phẩm mật ong tại xã Sam Mứn, Pom Lót, Thanh An, Núa ngam, Noong Het, huyện Điện Biên	2022					38		500 dân, 20 hộ	tại xã Sam Mứn, Pom Lót, Thanh An, Núa ngam, Noong Het, huyện Điện Biên
18	Dự án liên kết trong tiêu thụ trâu , bò thịt vỗ béo tại xã Thanh Yên, Pom Lót, Núa ngam, Noong Het, huyện Điện Biên	2022					10		10 con, 7 hộ	tại xã Thanh Yên, Pom Lót, Núa ngam, Noong Het, huyện Điện Biên
2.5	HUYỆN TÀ CHÙA		47,5	0	0	27,932	19,536			
1	Dự án liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm Ngô lai LVN 885 trên địa bàn xã Tủa Thàng, thị trấn Tủa Chùa, huyện Tủa Chùa	2021				5,15			34 ha; 156 hộ	Thị trấn Tủa Chùa, xã Tủa Thàng
2	Dự án liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm Lúa thương phẩm TBR 225 và Bắc thơm số 7 trên địa bàn thị trấn Tủa Chùa	2021				17,46			52 ha; 333 hộ	Thị trấn Tủa Chùa
3	Dự án liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm Vịt bầu trên địa bàn xã Mường Đun, Tủa Thàng, huyện Tủa Chùa	2021-2022				5,322			6160 con; 77 hộ	Xã Mường Đun, Tủa Thàng
4	Dự án liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm Ngô lai 092 trên địa bàn xã Tủa Thàng, thị trấn Tủa Chùa, huyện Tủa Chùa	2022					10		40 ha; 152 hộ	Thị trấn Tủa Chùa, xã Tủa Thàng
5	Dự án liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm Vịt bầu trên địa bàn xã Mường Đun, Tủa Thàng, huyện Tủa Chùa	2021-2022					5		6160 con; 77 hộ	Xã Mường Đun, Tủa Thàng
6	Dự án liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm Ngan trâu trên địa bàn xã Tả Phìn huyện Tủa Chùa	2022					4,536		2.160 con, 27 hộ	Xã Tả Phìn
3	Hỗ trợ nhà xưởng, máy móc, trang thiết bị sơ chế vận chuyển, bảo quản, chế biến sản phẩm		1.650,0	1.139,6	391,6	118,8	-			
3.1	HUYỆN ĐIỆN BIÊN		1.441,7	931,3	391,6	118,8	0	0		
1	Dự án liên kết sản xuất và tiêu thụ lúa, gạo Bắc thơm số 7 tại xã Thanh An, Thanh Xương, huyện Điện Biên	2019		431,3					25ha, số hộ: 77	tại xã Thanh An, Thanh Xương, huyện Điện Biên
2	Dự án liên kết sản xuất và tiêu thụ lúa, gạo chất lượng cao tại xã Thanh Yên, Thanh Chân, Thanh Xương huyện Điện Biên	2019		500					70,7 ha , số hộ: 176	tại xã Thanh Yên, Thanh Chân, Thanh Xương huyện Điện Biên
3	Dự án liên kết trong tiêu thụ trâu , bò thịt vỗ béo tại xã Thanh Yên, Pom Lót, Núa ngam, Noong Het, huyện Điện Biên	2020			391,6				300 con, 14 hộ	tại xã Thanh Yên, Pom Lót, Núa ngam, Noong Het, huyện Điện Biên
4	Dự án liên kết chăn nuôi ong và tiêu thụ sản phẩm mật ong tại xã Sam Mứn, Pom Lót, Thanh An, Núa ngam, Noong Het, huyện Điện Biên	2021				118,8			320 dân, 20 hộ	tại xã Sam Mứn, Pom Lót, Thanh An, Núa ngam, Noong Het, huyện Điện Biên
3.2	HUYỆN TÀ CHÙA		208,28	208,28						
-	Dự án liên kết sản xuất và chế biến, tiêu thụ chè Tuyết shan trên địa bàn xã Sinh Phình huyện Tủa Chùa	2019	208,275	208,275					32 ha; 391 hộ; 12 thôn	Xã Sinh Phình
4	Hỗ trợ ứng dụng kỹ thuật công nghệ tưới tiết kiệm nước		4,30				4,3			
-	Dự án liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm rau, quả an toàn tại xã Noong Luống , huyện Điện Biên	2022					4,3		9,06 ha, 24 hộ	tại xã Noong Luống , huyện Điện Biên
5	Hỗ trợ sản xuất nông sản chất lượng cao, ATTP, ứng dụng công nghệ cao, BVMT (nhà màng)		480,0	480						
-	Dự án liên kết sản xuất rau, củ, quả an toàn thực phẩm, ứng dụng công nghệ cao, bảo vệ môi trường, thực hiện hỗ trợ làm nhà lưới sản xuất rau an toàn trên địa bàn xã Mường Báng, huyện Tủa Chùa	2019	480,00	480					1,2 ha; 12 hộ; 01 thôn	Xã Mường Báng
6	Hỗ trợ công tác chỉ đạo, tuyên truyền, triển khai cho BQL cấp xã, HTX hoặc Ban nông nghiệp thôn bản để dẫn dắt đổi thửa		-							
7	Hỗ trợ công tác đo đạc, chỉnh lý biến động hồ sơ địa chính; cấp đổi GCNQSDĐ diện tích dồn điền, đổi thửa		-							
8	Hỗ trợ tiêu thụ, xúc tiến thương mại		-							
II	Hỗ trợ phát triển Chăn nuôi trâu, bò		845,61	202,85	217,60	238,67	186,49			
1	Hỗ trợ cải tạo đàn trâu, bò địa phương bằng phối giống trực tiếp		-							
2	Hỗ trợ cải tạo đàn bò địa phương bằng phương pháp thụ tinh nhân tạo (Sơ Nông nghiệp và PTNT)		845,606	202,85	217,6	238,668	186,488		1856 con	Thành phố và huyện Điện Biên

TT	Nội dung chính sách	Năm thực hiện	Kính phí các năm (triệu đồng)					Quy mô và kết quả thực hiện	Địa bàn thực hiện	Ghi chú
			Tổng	2019	2020	2021	2022	2023		
3	Hỗ trợ thiên trâu, bò đực không đủ tiêu chuẩn làm con giống		-							
4	Hỗ trợ mở điểm thụ tinh nhân tạo mới và đào tạo kỹ thuật viên dẫn tinh		-							
III	Hỗ trợ thú y		25.428,18	6.034,18	5.641,12	5754,939	7.997,95			
1	Hỗ trợ vắc xin tiêm phòng bệnh cho gia súc, gia cầm (Sở Nông nghiệp và PTNT)	2019-2022	12.497	2.970	3.027	3.100	3.400	Mua và cấp 3.643.551 liều vắc xin các loại gồm: Nhiệt thần; Tụ huyết trùng (THT) trâu bò; Lở mồm long móng (LMLM); Dịch tả lợn (DTL); THT lợn; . Kết quả tiêm phòng đạt 68,63 % KH các huyện đăng ký, đạt trung bình 55% tổng dân	10/10 huyện, thị xã, thành phố	
2	Hỗ trợ tiền công, vật tư, bảo hộ, dụng cụ tiêm phòng, công phun hoá chất sát trùng		12.294	2.617	2.586	2.621	4.470			
-	Huyện Tuần Giáo	2022	508,2				508,2	678.751 liều vắc xin; 21.283.000 m2	19 xã, thị trấn	
-	HUYỆN Điện Biên Đông	2019-2022	5540	1206	1109	1225	2000		13 xã, thị trấn	
-	Huyện Mường Chà	2019-2020	1643,894	250	745,298	355,881	292,715		các xã, thị trấn	
-	H. Điện Biên	2019-2022	3159,5	1079,6	545,9	853,6	680,4		các xã	
-	Huyện Mường Ảng	2022	181,63				181,63			
-	Huyện Nậm Pồ	2022	150,02				150,02			
-	Huyện Mường Nhé	2022	240,225				240,225			
-	Thị xã Điện Biên Phủ	2019-2022	481,828	29,91	156,19	151,758	143,97			
-	Thị xã Mường Lay	2019-2022	146,967	51,776	29,2	35	30,991			
-	Huyện Tủa Chùa	2022	242,197				242,197			
3	Hỗ trợ kinh phí cho chủ vật nuôi có gia súc, gia cầm bị rủi ro (chết) do phản ứng sau tiêm phòng vắc xin (Huyện Điện Biên)	2.021	22,3			22,3		Hỗ trợ 01 con trâu bị chết sau tiêm vắc xin tụ huyết trùng	xã Sam Mứn	
4	Hỗ trợ tập huấn kỹ thuật, kiến thức cho viên chức và nhân viên thú y cơ sở		614	447	29	11,4	128			
-	H. Mường Ảng	2019, 2022	46	15,60			30,00		Các xã, thị trấn trên địa bàn huyện	
-	H. Mường Nhé	2020	29		28,53					
-	H. Tủa Chùa	2019, 2022	240	142,79			97,597	07 lớp, 203 học viên	12 xã, thị trấn	
-	H. Tuần Giáo	2019, 2021	99,9	88,5		11,4		02 lớp, 70 học viên	các xã, thị trấn	
-	Sở Nông nghiệp và PTNT	2.019	200	200				Tổ chức được 10 lớp tập huấn cho lực lượng thú y xã, thôn bản về chuyên môn nghiệp vụ và phòng, chống bệnh Dịch tả lợn Châu Phi với tổng số 337 lượt người tham gia	10/10 huyện, thị xã, thành phố	
IV	Hỗ trợ sản xuất, phát triển lâm nghiệp		5.817,53	1.388,23	1.062,08	1.510,82	1.856,41			
1	Hỗ trợ hộ gia đình, cá nhân chuyển đất nương, đất trồng sang trồng rừng sản xuất và khoanh nuôi tái sinh rừng tự nhiên		3.959,36	454,20	461,99	1.307,49	1.735,67			
-	H. Tủa Chùa	2019-2022	2480,25825	252,221	461,986	722,279	1043,77225	1.195,95 ha	Xã Mường Đùn, Mường Báng, Tả Phìn, Xá Nhé	
-	H. Nậm Pồ	2019-2022	1.479,100	201,983	0	585,215	691,902	Quy mô 268,7 ha	Xã Nậm Nhừ, Vàng Đán, Si Pa Phìn	
2	Hỗ trợ chi phí lập hồ sơ giao khoán lần đầu đối với trồng rừng sản xuất, khoanh nuôi xúc tiến tái sinh rừng tự nhiên không trồng bổ sung và bảo vệ rừng		0							
3	Hỗ trợ giao đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để trồng rừng và khoanh nuôi xúc tiến tái sinh rừng tự nhiên (huyện Tuần Giáo)		313,50	313,50						

TT	Nội dung chính sách	Năm thực hiện	Kinh phí các năm (triệu đồng)					Quy mô và kết quả thực hiện	Địa bàn thực hiện	Ghi chú
			Tổng	2019	2020	2021	2022	2023		
4	Hỗ trợ bảo vệ và phát triển cây hoa ban		1.544,67	620,53	600,09	203,32	120,73			
-	H. Tủa Chùa	2019-2022	1.048,67	620,53	243,09	119,32	65,73		56,64 ha	Xã Tủa Thàng, thị trấn Tủa Chùa
-	H. Nậm Pồ	2020	-		-	-				Xã Si Pa Phìn, Phìn Hồ, Vàng Dán, Nà Hỳ
-	H. Điện Biên	2020-2022	496,00		357,00	84	55		21,93 ha	Tại các xã: Thanh Nưa, Noong Luông
V	Hỗ trợ phát triển cây hoa Anh Đào (Sở Nông nghiệp và PTNT)	2020-2022	2.752,38	0,00	197,29	20,78	2.534,31		Trồng và chăm sóc 26,9 ha	Xã Pá Khoang
VI	Hỗ trợ phát triển thủy sản		4.227,16	2.274,45	733,70	979,95	239,06	0,00		
1	Hỗ trợ phát triển nuôi cá Tầm/cá Hồi vân trong bể xây		0							
2	Hỗ trợ phát triển nuôi các loài cá có giá trị kinh tế cao (Cá Lăng, cá Tầm, cá Chép giòn, cá Trắm giòn...) trong lồng tại các hồ thủy lợi, thủy điện		4227,16	2274,45	733,70	979,95	239,06			
-	H. Mường Ảng	2022	239,06				239,06		Quy mô: 04 bể (16 lồng)	Ắng Càng
-	H. Tủa Chùa	2019-2021	3748,10	2274,45	733,70	739,95			Quy mô: 264 lồng và 66 hộ tham gia	xã Tủa Thàng, Huổi Sô, Sín Chải
-	Sở Nông nghiệp và PTNT	2021	240,00			240,00			16 lồng, 04 hộ tham gia	Hồ Noong Luông, TP. Điện Biên Phủ
VII	Hỗ trợ chuyển tiếp tại Nghị quyết số 322/2013/NQ-HĐND ngày 13/12/2013 của HĐND tỉnh		724,243	332,267	185,224	128,088	78,665			
-	Hỗ trợ tiền mua gạo dự án phát triển Chè cây cao (Chè Tuyết Shan) trên địa bàn huyện (huyện Tủa Chùa)	2019-2022	616,955772	286,615875	153,0725	112,114039	65,153358		115,59 ha; 301 hộ	Các xã Sính Phình, Tả Phìn, Tả Sín Thàng, Sín Chải
-	Hỗ trợ cải tạo đàn bò, đàn trâu tại các khu vực không thực hiện thụ tinh nhân tạo (Theo dõi bò đực và số bê lai sinh ra) (Sở Nông nghiệp và PTNT)	2019-2022	107,288	45,6512	32,151	15,974	13,512		514 con bê lai	Điện Biên Đông